

Số: 17 /KL-TTTP

Hải Phòng, ngày 16 tháng 6 năm 2026

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực**  
**được, mỹ phẩm, thiết bị y tế**

Thực hiện Quyết định số 10/QĐ-TTTP ngày 26/01/2026 của Chánh Thanh tra thành phố về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực được, mỹ phẩm, thiết bị y tế tại Sở Y tế và Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng; thời kỳ thanh tra: từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025.

Xét Báo cáo Kết quả thanh tra số 01/BC-ĐTTr ngày 12/5/2026 của Trưởng Đoàn thanh tra; Báo cáo kết quả thẩm định số 01/BC-TTĐ ngày 15/6/2026 của Tổ trưởng Tổ thẩm định, Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng kết luận thanh tra như sau:

**A. KHÁI QUÁT CHUNG**

Sáu tháng cuối năm 2025, công tác quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế trên địa bàn thành phố gặp nhiều khó khăn do sau sáp nhập hệ thống các cơ quan y tế chưa kịp thời kiện toàn, thống nhất. Tuy nhiên, Sở Y tế (Sở) và Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Hải Phòng (Trung tâm) đã khẩn trương tiến hành tiếp nhận bàn giao hồ sơ, dữ liệu quản lý, thiết bị y tế và con người từ Sở Y tế, Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Hải Dương (cũ), tiến hành cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu; sắp xếp cơ sở vật chất.

Ngày 01/7/2025, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố ban hành Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế<sup>1</sup>. Theo đó, Sở có nhiệm vụ và quyền hạn tham mưu, giúp UBND thành phố quản lý về dược, mỹ phẩm và thiết bị y tế; cụ thể: (1) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dược, mỹ phẩm; bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc; quản lý thiết bị y tế; (2) Thực hiện quản lý về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc; đình chỉ lưu hành, thu hồi thuốc, nguyên liệu làm thuốc; kiểm tra giám sát việc thu hồi, xử lý thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật; (3) Tham mưu với UBND thành phố thực hiện đấu thầu, mua thuốc theo quy định của pháp luật và triển khai các giải pháp cung ứng thuốc phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa; (4) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện hoạt động dược lâm sàng bảo đảm

<sup>1</sup>Quyết định căn cứ quy định pháp luật tại Thông tư số 20/2025/TT-BYT ngày 23/6/2025 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

an toàn, hiệu quả theo quy định của pháp luật; (5) Đăng tải công khai các thông tin về thiết bị y tế, về cơ sở sản xuất, kinh doanh thiết bị y tế trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/7/2025, UBND thành phố ban hành Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm. Theo đó, một trong các nhiệm vụ của Trung tâm là thực hiện công tác kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm để kiểm tra và giám sát chất lượng. Đồng thời, Trung tâm là đơn vị mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương theo mô hình kiêm nhiệm (theo Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND thành phố).

## **B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

### **I. SỞ Y TẾ**

#### **1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành và tuyên truyền, hướng dẫn các văn bản quản lý nhà nước về dược, thiết bị y tế, mỹ phẩm**

- *Công tác tham mưu:*

+ Sở đã tham mưu để UBND thành phố ban hành Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế, Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm, Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 về việc giao Trung tâm là đơn vị mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương theo mô hình kiêm nhiệm.

+ Sở đã tham mưu để UBND thành phố ban hành 57 văn bản về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc; công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực y tế; ủy quyền cho Giám đốc Sở Y tế thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND thành phố; trình Thường trực Hội đồng nhân dân đăng ký xây dựng một số chính sách thuộc lĩnh vực y tế; triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực y tế...

+ Sở chủ trì phối hợp với các ban ngành, địa phương xây dựng Văn bản số 446/BC-SYT ngày 04/11/2025 để báo cáo UBND thành phố phương án triển khai khôi phục vườn thuốc cổ Dược Sơn (Dược lĩnh cổ viên) tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Côn Sơn - Kiếp Bạc.

- *Công tác chỉ đạo, điều hành:*

Sở tiếp nhận 2257 văn bản đến và ban hành 906 văn bản đi liên quan đến công tác quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế trên địa bàn thành phố nhằm thực hiện các mục tiêu: Cung ứng thuốc, mỹ phẩm, thiết bị y tế đảm bảo phục vụ đủ nhu cầu của Nhân dân; Tăng cường ngăn chặn thuốc, mỹ phẩm, thiết bị y tế kém chất lượng, không rõ nguồn gốc, hàng giả lưu hành; Đảm bảo chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thiết bị y tế; Sử dụng thuốc an toàn - hợp lý - hiệu quả; Đào tạo nhân lực dược; Triển khai công tác dược lâm sàng tại các cơ sở y tế; Tăng cường quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế; Thực hiện cải cách thủ

tục hành chính; Tiếp nhận hồ sơ và xét cấp chứng chỉ hành nghề y dược, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược.

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn:

Sở đã tổ chức 03 Hội nghị tập huấn, biên soạn 04 số Thông tin Y - Dược nhằm phổ biến, cung cấp thông tin thuốc, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế cho các công chức, viên chức ngành y tế, công chức UBND cấp xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc, mỹ phẩm, thiết bị y tế trên địa bàn thành phố. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật qua hệ thống cán bộ y tế tuyến thành phố tới tuyến cơ sở, qua các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đáp ứng các mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả. Chỉ đạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố (CDC) phối hợp với các đơn vị truyền thông kịp thời tuyên truyền đến người dân các thông tin về thuốc giả, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ; thuốc, mỹ phẩm không đạt chất lượng, phải thu hồi. Phân công cán bộ làm nhiệm vụ tiếp nhận thông tin thuốc, giải đáp thắc mắc trong quá trình sử dụng thuốc của người dân, của các cơ sở y tế trên địa bàn.

Qua thanh tra cho thấy:

Sở Y tế đã triển khai các nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác tham mưu quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế quy định tại Điều 3 Thông tư số 20/2025/TT-BYT ngày 23/6/2025 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đặc biệt, Sở kịp thời tham mưu cho UBND thành phố các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của Sở và các đơn vị trực thuộc, đảm bảo khung pháp lý giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm và thiết bị y tế trên địa bàn thành phố; công tác chỉ đạo, điều hành được quan tâm; công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật triển khai kịp thời, đã bố trí người thực hiện công tác hướng dẫn cho Nhân dân về thuốc.

## **2. Việc thực hiện quản lý nhà nước về dược**

Tính đến hết ngày 31/12/2025, Sở Y tế quản lý:

- Số liệu về cơ sở kinh doanh dược: 05 cơ sở sản xuất thuốc; 76 cơ sở bán buôn thuốc; 2.745 cơ sở bán lẻ thuốc, gồm: 1.241 nhà thuốc; 1.489 quầy thuốc; 15 cơ sở bán lẻ dược liệu.

- Nhân lực dược: 4.913 người gồm: 32 Thạc sĩ; 20 Dược sĩ chuyên khoa II; 88 Dược sĩ chuyên khoa I; 1.813 Dược sĩ đại học; 1.524 Dược sĩ cao đẳng; 1.436 Dược sĩ trung cấp.

- Số lượng nhân lực làm công tác dược lâm sàng: 290 người, trong đó: sau đại học dược: 88 người, đại học dược: 159 người, trình độ khác: 43 người. Số lượng người kiêm nhiệm làm công tác dược lâm sàng: 189 người. Số lượng người đã được cấp chứng chỉ hành nghề dược lâm sàng: 38 người.

### **2.1. Về công tác cấp giấy phép, thu hồi giấy phép về dược**

Từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 31/12/2025, Sở Y tế cấp: 493 Giấy chứng nhận Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP), 27 Giấy chứng nhận Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GDP), 471 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược (ĐĐKKDD), 254 chứng chỉ hành nghề (CCHN) dược; thu hồi: 348 ĐĐKKDD, 70 CCHN dược. Các thông tin về cấp, thu hồi các giấy phép về dược được đăng tải tại Công thông tin điện tử của Sở, địa chỉ: <https://soyte.haiphong.gov.vn/hanh-nghe-duoc>.

Đoàn thanh tra kiểm tra, xác minh 20 bộ hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh CCHN dược (*Phụ lục I*); 20 bộ hồ sơ cấp, điều chỉnh Giấy ĐĐKKDD (*Phụ lục II*) và 15 bộ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn thực hành tốt (GDP, GPP) (*Phụ lục III*), cho thấy:

- 20 bộ hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh CCHN dược được xét cấp, cấp lại, điều chỉnh đúng phạm vi, đúng thời hạn theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược (Nghị định số 163/2025/NĐ-CP).

- 20 bộ hồ sơ cấp, điều chỉnh Giấy ĐĐKKDD được tiếp nhận, tổ chức xem xét, thẩm định, giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục hành chính đã được ban hành, trả kết quả đúng hoặc trước thời hạn quy định tại Điều 20, 21, 22 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP.

- 15 bộ hồ sơ cấp giấy GDP, GPP theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc<sup>2</sup> (Thông tư số 02/2018/TT-BYT), và Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc<sup>3</sup> (Thông tư số 03/2018/TT-BYT).

*Tuy nhiên vẫn còn hạn chế, khuyết điểm:*

Sở chậm công bố, cập nhật trên trang thông tin điện tử của Sở đối với thông tin cấp, cấp lại, điều chỉnh CCHN dược trong tháng 7/2025 theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP (*quy định: 03 ngày làm việc; Sở:*

<sup>2</sup> Thông tư được sửa đổi bổ sung tại: (1) Thông tư số 12/2020/T-BYT ngày 22/6/2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc; (2) Thông tư số 11/2025/TT-BYT ngày 16/05/2025 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

<sup>3</sup> Thông tư được sửa đổi, bổ sung tại: (1) Thông tư số 09/2020/TT-BYT ngày 10/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc; (2) Thông tư số 11/2025/TT-BYT ngày 16/05/2025 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

thông tin tháng 7/2025 đăng tải vào ngày 01/8/2025); thông tin cấp, điều chỉnh giấy ĐDKKDD trong tháng 7/2025 theo quy định tại khoản 9 Điều 21, khoản 7 Điều 22 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP (quy định: 03 ngày làm việc; Sở: thông tin tháng 7/2025 đăng tải vào ngày 01/8/2025).

## 2.2. Về xử lý, thu hồi mẫu thuốc không đạt

Trong kỳ thanh tra, Sở Y tế đã tiếp nhận thông tin từ Trung tâm 05 mẫu thuốc và 05 mẫu dược liệu không đạt chất lượng để xử lý theo quy định tại Thông tư số 30/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ Y tế hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc và thu hồi, xử lý thuốc vi phạm đối với thuốc (Thông tư số 30/2025/TT-BYT) và Thông tư số 32/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ Y tế quy định quản lý về chất lượng thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu (Thông tư số 32/2025/TT-BYT).

Đoàn thanh tra kiểm tra, xác minh quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin của Sở đối với 05 mẫu thuốc (chi tiết tại Phụ lục IV).

*Hạn chế, khuyết điểm:*

- Sở không tiến hành niêm phong các thuốc không đạt chất lượng mà yêu cầu các cơ sở có mẫu không đạt<sup>4</sup> thực hiện niêm phong và cử chuyên viên tham gia phối hợp niêm phong mẫu là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 1 (đối với cơ sở sản xuất), điểm a khoản 2 (đối với cơ sở bán buôn) Điều 14 Thông tư số 30/2025/TT-BYT.

- Đối với Thuốc tiêm Trivit - B3 và Dung dịch tiêm Dubemin: Sở thực hiện xác định mức độ vi phạm và kết luận thu hồi thuốc vi phạm chậm so với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư số 30/2025/TT-BYT (quy định: trong thời hạn 48 giờ; Sở thực hiện: 13 ngày<sup>5</sup>).

*Sở báo cáo, giải trình:*

Thông tư số 30/2025/TT-BYT được ban hành và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký (ngày 01/7/2025). Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai, việc tiếp nhận, nghiên cứu và tổ chức áp dụng văn bản tại cơ sở cần có một khoảng thời gian nhất định để các đơn vị và cá nhân trực tiếp thực hiện nắm bắt, làm quen nội dung. Đặc biệt, Thông tư quy định hoàn toàn mới về việc phân cấp trách nhiệm xử lý chất lượng từ cơ quan Trung ương xuống địa phương. Đồng thời, thời điểm Thông tư có hiệu lực trùng với giai đoạn thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, dẫn đến việc áp dụng văn bản trên thực tế diễn ra chậm hơn so với thời điểm có hiệu lực.

## 3. Việc thực hiện quản lý nhà nước về mỹ phẩm

Tính đến 31/12/2025, Sở Y tế quản lý: 16 cơ sở sản xuất mỹ phẩm; tiếp nhận

<sup>4</sup> Trung tâm Y tế Kinh Môn, Trung tâm Y tế Chí Linh, Trung tâm y tế Kim Thành, Trung tâm y tế Tứ Kỳ, Quỳ thuốc công ty TNHH Phòng khám đa khoa An Bình.

<sup>5</sup> Trung tâm Kiểm nghiệm có báo cáo kết quả thuốc tiêm Trivit - B3 và Dung dịch tiêm Dubemin không đạt chất lượng ngày 21/7/2025, Sở có văn bản ngày 03/8/2025.



1131 sản phẩm mỹ phẩm công bố.

Trong kỳ thanh tra, Sở Y tế cấp 148 số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước; thu hồi 01 Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm; ban hành 22 quyết định thu hồi số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm, thu hồi 67 số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm do Sở Y tế cấp.

Qua thanh tra cho thấy:

- Sở Y tế đã gửi báo cáo tình hình quản lý chất lượng và công tác hậu kiểm mỹ phẩm tại địa phương, báo cáo về việc cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm, báo cáo về việc cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo mỹ phẩm, tổ chức hội thảo, sự kiện giới thiệu mỹ phẩm về Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế theo quy định tại khoản 3 Điều 50 Thông tư số 06/2011/TT-BYT (*Phụ lục V*).

- Kiểm tra, xác minh 20 bộ hồ sơ công bố mỹ phẩm (*Phụ lục VI*), cho thấy: hồ sơ cấp theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 29/2020/TT-BYT, Thông tư số 34/2025/TT-BYT.

#### **4. Việc thực hiện quản lý nhà nước về thiết bị y tế**

Đến 31/12/2025, Sở Y tế quản lý: 122 cơ sở công bố đáp ứng tiêu chuẩn sản xuất thiết bị y tế (TBYT); 528 cơ sở công bố đủ điều kiện mua bán TBYT thuộc loại B, C, D; 552 sản phẩm công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với TBYT loại A, 237 sản phẩm công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với TBYT loại B. Các thông tin về TBYT, về cơ sở sản xuất, kinh doanh TBYT trên địa bàn thành phố được đăng tải công khai trên Cổng thông tin quản lý thiết bị y tế (<http://imda.moh.gov.vn>) do Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế - Bộ Y tế quản lý.

Trong kỳ thanh tra, Sở tiếp nhận 120 số công bố tiêu chuẩn áp dụng TBYT loại A, B; 118 số công bố đủ điều kiện mua bán TBYT loại B,C,D; 06 số công bố đủ điều kiện sản xuất TBYT.

Đoàn thanh tra kiểm tra 20 bộ hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với TBYT (*Phụ lục VII*), 20 bộ hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TBYT (*Phụ lục VIII*), cho thấy:

- Các bộ hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với TBYT có đủ thành phần theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế (Nghị định số 98/2021/NĐ-CP) và khoản 7 Điều 147 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; đúng biểu mẫu theo Thông tư số 19/2021/TT-BYT<sup>6</sup>.

<sup>6</sup> Thông tư số 19/2021/TT-BYT ngày 16/11/2021 của Bộ Y tế quy định mẫu văn bản, báo cáo thực hiện Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 10/2023/TT-BYT ngày 11/5/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BYT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mẫu văn bản, báo cáo thực hiện Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

- 19/20 bộ hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TBYT đủ thành phần theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP và Thông tư số 19/2021/TT-BYT. Riêng bộ hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TBYT của Công ty Cổ phần dược phẩm IQ Pharma ngày 24/12/2025 đã được Sở Y tế thu hồi số công bố đủ điều kiện mua bán TBYT thuộc lĩnh vực thiết bị y tế theo Quyết định số 813/QĐ-SYT ngày 13/02/2026 với lý do hồ sơ công bố không đáp ứng quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP (*tài liệu thuyết minh kho bảo quản, hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất: có đăng tải tài liệu nhưng không có nội dung ở các mục cụ thể*).

### **5. Công tác kiểm tra, hậu kiểm**

Trong kỳ thanh tra, Sở Y tế ban hành 04 Kế hoạch, 04 Quyết định thành lập 07 đoàn phúc tra, kiểm tra thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm, TBYT đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc, mỹ phẩm, TBYT trên địa bàn thành phố.

Đoàn thanh tra kiểm tra trình tự, thủ tục của các hồ sơ kiểm tra<sup>7</sup>, cho thấy:

- Các Quyết định kiểm tra chuyên ngành có đủ nội dung: căn cứ ban hành quyết định kiểm tra; phạm vi, nội dung kiểm tra; đối tượng kiểm tra; thành phần Đoàn kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành (Nghị định số 217/2025/NĐ-CP).

- Trưởng đoàn kiểm tra xây dựng, ban hành kế hoạch tiến hành kiểm tra và báo cáo Giám đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 4 Điều 8 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

- Sau tiến hành kiểm tra, đã kiến nghị Giám đốc Sở Y tế xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP (Sở Y tế đã xử phạt 08 cơ sở vi phạm với số tiền 50,5 triệu đồng; thu hồi 12 sản phẩm công bố tiêu chuẩn áp dụng TBYT loại A, B; thu hồi 39 số công bố cơ sở đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D).

*Tuy nhiên còn hạn chế, khuyết điểm:*

Quyết định kiểm tra chuyên ngành không nêu thời hạn kiểm tra theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 11 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

### **6. Kết quả kiểm tra, xác minh tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc, mỹ phẩm, TBYT**

Đoàn đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh dược, mỹ phẩm, TBYT đối với 28 cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế (*Phụ lục IX*).

Tại thời điểm kiểm tra, xác minh, các cơ sở sản xuất, kinh doanh:

- Có đầy đủ hồ sơ pháp lý tương ứng với loại hình của cơ sở: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đúng ngành nghề, có Giấy ĐKKDD, GDP và GPP còn

<sup>7</sup> Đoàn không xác minh, kiểm tra nội dung kết quả kiểm tra của các Đoàn.

hiệu lực, có CCHN được; Công bố đủ điều kiện sản xuất TBYT; Công bố tiêu chuẩn áp dụng TBYT; Công bố đủ điều kiện mua bán TBYT; Công bố đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm, có Số tiếp nhận công bố mỹ phẩm.

- Sản xuất, kinh doanh đúng phạm vi theo Giấy ĐKKDD, GDP, GPP, công bố đủ điều kiện.

- Xuất trình được hồ sơ nguồn gốc, nguyên liệu các sản phẩm sản xuất, kinh doanh; cơ bản chấp hành các quy định pháp luật tương ứng với loại hình sản xuất, kinh doanh.

*Tuy nhiên vẫn còn hạn chế, khuyết điểm:*

- Hộ kinh doanh Nguyễn Thúy Nga, địa chỉ: Nhà thuốc Cô Sinh, Thôn 3, xã Kiên Hải, thành phố Hải Phòng: Tại thời điểm kiểm tra, Nhà thuốc đang hoạt động, người phụ trách chuyên môn vắng mặt; Cơ sở có bán lẻ thuốc không đựng trong bao bì ngoài của thuốc nhưng không ghi rõ tên thuốc, hàm lượng, hạn dùng cho khách hàng; Không niêm yết đầy đủ giá các sản phẩm kinh doanh không đúng quy định lần lượt tại điểm b khoản 4 Phần III, điểm d khoản 3 Phần II và điểm a khoản 2 Phần III Phụ lục I-1a Thông tư số 02/2018/TT-BYT.

- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dược phẩm Omega; địa chỉ: P907+908, Tầng 9 Tòa nhà Taiyo, số 97 Bạch Đằng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng: Dữ liệu về nhiệt độ, độ ẩm trong file Excell lưu trên máy tính của Công ty tháng 5, 6, 8, 9 năm 2025 ghi nhận dữ liệu độ ẩm của thiết bị nhiệt ẩm kế tự ghi trên 75%, ghi 1 tiếng/ 01 lần là không đúng quy định tại mục 6.14 và 6.16 Phụ lục 1 Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ Y tế quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Hộ kinh doanh Nhà thuốc Nhật Vượng; địa chỉ: Số 35 Phạm Minh Đức, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng: Có 01 giường và 01 bể cá trong khu vực nhà thuốc; Để lẫn sản phẩm thực phẩm Viên nén tạo ngọt Cologrin Sweetener tablers vào khu vực để thuốc; Dữ liệu về nhiệt độ, độ ẩm của thiết bị nhiệt ẩm kế tự ghi 2 lần/ngày là không đúng các quy định lần lượt tại điểm b khoản 1, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Phần II Phụ lục I-1a Thông tư số 02/2018/TT-BYT.

- Hộ kinh doanh Uyên Thiết bị y tế; địa chỉ: số 4C Kỳ Đồng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng: Cơ sở kinh doanh sản phẩm Máy vật lý trị liệu Wonder MF5-08N có nhãn hàng hóa không có thông tin ngày tháng năm sản xuất, số lưu hành, số lô hoặc số seri, số lưu hành sản phẩm; Sản phẩm Máy xông khí dung Oromi (mã SW-1Y) và sản phẩm Máy xông khí dung Oromi (mã UNI100) có nhãn hàng hóa không ghi số lưu hành sản phẩm là không đúng quy định tại Phụ lục I Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

*- Biện pháp xử lý*

Ngày 14/4/2026, Thanh tra thành phố có Văn bản số 860/TTTP-NV10 về việc xem xét, xử lý vi phạm hành chính (nếu có) đối với 04 cơ sở y tế có tồn tại, vi phạm gửi Sở Y tế.

Ngày 29/4/2026, Sở Y tế đã có Văn bản số 4475/SYT-TCHC về việc xem xét, xử lý vi phạm hành chính; thông tin: đã xử lý vi phạm hành chính đối với Hộ kinh doanh Nguyễn Thúy Nga<sup>8</sup> và Hộ Kinh doanh Nhà thuốc Nhật Vương<sup>9</sup>; Đối với Hộ kinh doanh Uyên thiết bị y tế và Công ty TNHH TM và DV dược phẩm Omega, Sở Y tế đang tiếp tục làm việc, yêu cầu các cơ sở cung cấp thêm tài liệu để xem xét, xử lý.

Ngày 08/6/2026, Sở Y tế đã có Văn bản số 6195/SYT-TCHC về việc xem xét, xử lý vi phạm hành chính; thông tin: đã xử lý vi phạm hành chính đối với Hộ kinh doanh Uyên thiết bị y tế<sup>10</sup>; không xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dược phẩm Omega do chưa đủ căn cứ<sup>11</sup>.

## II. TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM

Trong kỳ thanh tra, Trung tâm duy trì 02 cơ sở kiểm nghiệm:

- Cơ sở 1: Số 18/383 Lán Bè, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.
- Cơ sở 2: Số 150 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Hải Phòng.

Cả hai cơ sở đều được công nhận phòng thí nghiệm phù hợp theo các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2017 (31 chỉ tiêu đối với cơ sở 1 và 39 chỉ tiêu đối với cơ sở 2) được công nhận kiểm nghiệm các sản phẩm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm<sup>12</sup>.

Trung tâm thực hiện công tác lấy mẫu và kiểm tra chất lượng với kết quả: 701 mẫu thuốc, 05 mẫu dược liệu, 46 mẫu thực phẩm và 85 mẫu mỹ phẩm; phát hiện 28 mẫu không đạt chất lượng (05 mẫu thuốc, 05 mẫu dược liệu, 0 mẫu mỹ phẩm, 18 mẫu thực phẩm).

Trung tâm tiếp nhận 1.630 mẫu gửi và kiểm tra chất lượng với kết: 1.036 mẫu thuốc, 02 mẫu dược liệu, 213 mẫu thực phẩm, 246 mẫu mỹ phẩm và 133 mẫu khác; phát hiện 55 mẫu không đạt chất lượng (08 mẫu thuốc, 13 mẫu dược liệu, vị thuốc, 01 mẫu mỹ phẩm, 33 mẫu khác).

<sup>8</sup> Địa chỉ: Thôn 3, xã Kiến Hải, Hải Phòng với các hành vi vi phạm: người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở bán lẻ thuốc vắng mặt trong thời gian hoạt động của cơ sở; Không ghi rõ tên thuốc, hàm lượng, hạn dùng cho người sử dụng trong trường hợp bán lẻ thuốc không đựng trong bao bì ngoài của thuốc; niêm yết không đầy đủ giá thuốc tại nơi bán thuốc. Tổng số tiền phạt là 8.000.000 đồng

<sup>9</sup> Địa chỉ: Số 35 Phạm Minh Đức, phường Gia Viên, Hải Phòng với các hành vi vi phạm : không tuân thủ các quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc; để lẫn sản phẩm không phải là thuốc cùng với thuốc đối với trường hợp có kinh doanh thêm mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, trang thiết bị y tế theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền phạt là 11.500.000 đồng.

<sup>10</sup> Địa chỉ: số 4C Kỳ Đồng, Hồng Bàng, Hải Phòng về hành vi buôn bán hàng hóa có nhãn (kể cả nhãn phụ) hoặc tài liệu kèm theo không ghi đủ hoặc ghi không đúng các các nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa hoặc nội dung bắt buộc phải thể hiện theo tính chất hàng hóa theo quy định pháp luật về nhãn hàng hóa (Nhãn thiết bị y tế thiếu nội dung bắt buộc theo quy định) với số tiền phạt là 2.000.000 đồng

<sup>11</sup> Theo Thông tư số 03/2018/TT-BYT quy định việc theo dõi nhiệt độ bằng thiết bị theo dõi nhiệt độ tự ghi; không quy định bắt buộc theo dõi độ ẩm bằng thiết bị theo dõi độ ẩm tự ghi.

<sup>12</sup> Theo các Quyết định số: 1741/QĐ-VPCNCLQG ngày 06/8/2024; 2850/QĐ-VPCNCLQG ngày 20/11/2024; 2018/QĐ-VPCNCLQG ngày 25/7/2025 của Văn phòng Chứng nhận chất lượng quốc gia – Bộ Khoa học Công nghệ.

*Qua thanh tra cho thấy:*

- Sau sáp nhập, công tác kiểm nghiệm của Trung tâm không gián đoạn, được duy trì thường xuyên tại 2 cơ sở (là địa điểm 2 Trung tâm trước sáp nhập).

- Đã gửi kết quả kiểm nghiệm qua đường bưu điện tới cơ sở được lấy mẫu theo đúng quy định tại điểm g khoản 3 Điều 7 Thông tư số 30/2025/TT-BYT.

- Khi phát hiện các mẫu lấy không đạt tiêu chuẩn chất lượng (trong niên độ thanh tra có 10 mẫu), Trung tâm đã gửi văn bản thông báo/báo cáo kết quả kiểm nghiệm tới Sở Y tế, Cục Quản lý Dược đúng thời hạn quy định tại điểm g khoản 3 Điều 7 Thông tư số 30/2025/TT-BYT.

*Tuy nhiên, còn hạn chế, khuyết điểm:*

- Theo Danh sách các cơ sở trong nước đạt tiêu chuẩn nguyên tắc thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP) tại Cổng thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (cập nhật tới ngày 23/4/2026), cơ sở 2 có Giấy GLP hết hạn ngày 24/11/2025. Trung tâm gửi hồ sơ đề nghị đánh giá GLP tới Cục Quản lý Dược đối với cơ sở 2 ngày 30/3/2026, chậm so với quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 04/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về thực hành tốt phòng thí nghiệm, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 08/2020/TT-BYT ngày 27/05/2020 của Bộ Y tế (Thông tư số 04/2018/TT-BYT) (quy định: 30 ngày, Trung tâm: 180 ngày) <sup>13</sup>.

- Trung tâm có 02 Sổ tay chất lượng của Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Hải Dương và Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Hải Phòng trước khi sáp nhập<sup>14</sup>, chưa ban hành Sổ tay chất lượng sau thời điểm sáp nhập; vì vậy nội dung Chương 3 (giới thiệu Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Dương/Hải Phòng), Chương 5 (quy định về yêu cầu về cơ cấu: tư cách pháp nhân, sơ đồ cơ cấu, tổ chức...) không còn phù hợp với thực tế.

*Trung tâm báo cáo, giải trình:*

Sau khi thực hiện sáp nhập, mặc dù cả hai cơ sở của Trung tâm đều đã áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 và GLP, nhưng thực tế cho thấy giữa hai cơ sở vẫn tồn tại một số khác biệt về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị kỹ thuật. Do đó, việc hợp nhất Hệ thống quản lý chất lượng không thể thực hiện ngay mà cần có khoảng thời gian rà soát, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính phù hợp với thực tế khách quan. Qua quá trình rà soát, thống nhất và chỉnh sửa, ngày 01/4/2026, Ban Quản lý Chất lượng - Kỹ thuật của Trung tâm đã ban hành Hệ thống quản lý chất lượng sau sáp nhập.

- Phần căn cứ pháp lý của các thủ tục, hướng dẫn như Quy trình giao nhận mẫu, Hướng dẫn đường đi của mẫu thử nghiệm, Thủ tục kiểm soát tài liệu... chưa

<sup>13</sup> Trong thời gian chậm gửi hồ sơ đề nghị đánh giá GLP tới Cục Quản lý Dược, Trung tâm thực hiện các phép thử thuộc phạm vi chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 đã được các tổ chức chứng nhận phù hợp đánh giá công nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP.

<sup>14</sup> chỉnh sửa lần cuối ngày 10/5/2024 đối với Sổ tay chất lượng của Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Hải Dương và ngày 18/6/2019 đối với Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Hải Phòng.

được cập nhập bổ sung các văn bản quy định hiện hành mà vẫn viện dẫn các văn bản quy định chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc hết hiệu lực, cụ thể:

+ Thông tư số 04/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về thực hành tốt phòng thí nghiệm đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2020/TT-BYT ngày 27/05/2020.

+ Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ Y tế quy định chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Thông tư số 03/2020/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ Trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Thông tư số 38/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế quy định về chất lượng dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền, Thông tư số 53/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ ngành y tế đã hết hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

*Trung tâm báo cáo, giải trình:*

Ngày 01/4/2026, Trung tâm đã ban hành các thủ tục, hướng dẫn được cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Thời gian trả lời kết quả kiểm nghiệm (từ ngày nhận được mẫu đến ngày trả lời kết quả kiểm nghiệm) chậm so với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 7 Thông tư số 30/2025/TT-BYT (đối với thuốc) và quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 32/2025/TT-BYT (đối với dược liệu); cụ thể: 50,84% (359/706) mẫu thuốc, thuốc cổ truyền, dược liệu có thời gian kiểm nghiệm chậm.

- Đoàn kiểm tra 15 bộ hồ sơ kiểm nghiệm (*Phụ lục X*), cho thấy:

+ Biên bản lấy mẫu không ghi đầy đủ thông tin cột Nhận xét tình trạng mẫu theo biểu mẫu.

+ Thời gian trả lời kết quả kiểm nghiệm (từ ngày nhận được mẫu đến ngày trả lời kết quả kiểm nghiệm) chậm so với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 7 Thông tư số 30/2025/TT-BYT (đối với thuốc) và quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 32/2025/TT-BYT (đối với dược liệu) (*theo quy định là 20 ngày, nhưng mẫu Hỗn dịch Bilclamos 312,5mg/ 5ml là 67 ngày; mẫu hỗn dịch uống Goldridons là 70 ngày; viên nén Halixol là 89 ngày; Dược liệu Huyền sâm, Dương quy, Đại táo, Ngưu tất: 54 ngày; thuốc bột Usaralpor: 45 ngày*).

Các mẫu chậm trả lời kết quả phân tích không có giải trình lý do tại văn bản kèm theo phiếu kiểm nghiệm theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 7 Thông tư số 30/2025/TT-BYT.

### **III. CÔNG TÁC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG**

Trong kỳ thanh tra, đã thực hiện 02 gói thầu mua sắm thuốc tập trung địa phương: (1) Gói 1: Gói thầu thuốc Generic (gồm 1.146 danh mục thuốc) công bố kết quả ngày 12/8/2025. Số lượng thuốc trúng thầu 999 sản phẩm, tổng giá trị 926,5 tỷ đồng (đạt 87,17%); (2) Gói 2: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp

dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm 93 danh mục thuốc) công bố kết quả ngày 29/12/2025. Số lượng thuốc trúng thầu 66 sản phẩm, tổng giá trị 48,4 tỷ đồng (đạt 83,59%). Trong đó, Sở Y tế thực hiện thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình UBND thành phố phê duyệt, Trung tâm là đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm.

**1. Công tác lập danh mục thuốc và xác định nhu cầu mua sắm tập trung; lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

Sở Y tế, Trung tâm thực hiện lập danh mục thuốc, xác định nhu cầu mua sắm tập trung, lập, thẩm định và tham mưu để UBND thành phố phê duyệt danh mục đấu thầu tập trung, kế hoạch lựa chọn nhà thầu cấp địa phương năm 2025-2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng, như sau:

Ngày 05/6/2024, Sở ban hành Quyết định số 458/QĐ-SYT về việc thành lập Hội đồng xây dựng Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương.

Ngày 10/6/2024, Sở ban hành Công văn số 1940/SYT-NVD yêu cầu các cơ sở khám chữa bệnh công lập gửi dự kiến danh mục thuốc năm 2025-2026 về Sở.

Trên cơ sở tổng hợp danh mục thuốc dự kiến sử dụng năm 2025-2026 của các cơ sở y tế trên địa bàn, ngày 03/7/2024 Sở có Tờ trình số 109/TTr-SYT trình UBND thành phố phê duyệt Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương.

Ngày 10/7/2024, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2343/QĐ-UBND phê duyệt Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2025 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Ngày 29/10/2024, Trung tâm (đơn vị mua sắm tập trung) có Văn bản số 539/TTKN-TCHC về việc tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung cấp địa phương gửi các cơ sở y tế.

Ngày 05/11/2024, Sở tổ chức Hội nghị thống nhất nhu cầu thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2025-2026.

Ngày 06/11/2024, Trung tâm có Văn bản số 553/TTKN-TCHC xin ý kiến Bảo hiểm xã hội (BHXH) thành phố đối với nhu cầu mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương năm 2025 - 2026 và được phúc đáp tại Văn bản số 2922/BHXH-GĐBHYTE ngày 11/11/2024.

Ngày 15/11/2024, Trung tâm có Tờ trình số 77/TTr-TTKN về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT).

Ngày 19/11/2024, Sở có Văn bản số 4261/SYT-NVD xin ý kiến BHXH thành phố về KHLCNT đấu thầu thuốc tập trung cấp địa phương năm 2025-2026 và được phúc đáp tại Văn bản số 3062/BHXH-GĐBHYTE ngày 21/11/2024.

Ngày 18/12/2024, Sở tổ chức Hội nghị thống nhất KHLCNT đấu thầu thuốc tập trung cấp địa phương năm 2025-2026 giữa Sở, BHXH thành phố và các cơ sở y tế.

Trên cơ sở đó, ngày 26/12/2024, Trung tâm có Tờ trình số 98/TTr-TTKN về việc phê duyệt KHLCNT cung cấp thuốc.

Ngày 30/12/2024, Sở có Báo cáo số 576/BC-SYT về việc thẩm định KHLCNT cung cấp thuốc.

Ngày 06/01/2025, UBND thành phố ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc: dự toán mua sắm thuốc năm 2025 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

*Qua thanh tra cho thấy:*

- Sở, Trung tâm đã thực hiện xác định nhu cầu mua sắm tập trung cấp địa phương theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.

- Sở, Trung tâm đã thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 07/2024/TT-BYT.

## **2. Công tác chuẩn bị, tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, công tác thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

Trình tự chuẩn bị, tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, công tác thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu của 2 gói thầu do Trung tâm là đơn vị mua sắm thuốc tập trung như sau:

- Thực hiện ký hợp đồng với đơn vị tư vấn (*Gói 1: Công ty Cổ phần tư vấn và thương mại Minh Đức, Gói 2: Công ty Cổ phần tư vấn và giám sát Việt Nam*) để đánh giá Hồ sơ dự thầu qua mạng (E-HSĐT).

- Ban hành Quyết định thành lập Tổ chuyên gia và Tổ thẩm định (Quyết định số 13/QĐ-TTKN ngày 21/01/2025 về thành lập Tổ chuyên gia xây dựng hồ sơ mời thầu, Quyết định số 14/QĐ-TTKN ngày 21/01/2025 về thành lập Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu).

- Tổ chuyên gia báo cáo lập E-HSMT (*Gói 1: Báo cáo lập E-HSMT số 03/BC-TCG ngày 11/3/2025, gói 2: Báo cáo lập E-HSMT số 01/BC-TCG ngày 23/01/2025*) và được thẩm định (*Gói 1: Báo cáo thẩm định HSMT số 03/BC-TTĐ ngày 11/3/2025, Báo cáo thẩm định sửa đổi E-HSMT số 04/BC-TTĐ ngày 19/3/2025, Báo cáo thẩm định sửa đổi E-HSMT và gia hạn thời điểm đóng, mở thầu số 05/BC-TTĐ ngày 27/3/2025, Báo cáo thẩm định sửa đổi E-HSMT và gia hạn thời điểm đóng, mở thầu số 06/BC-TTĐ ngày 01/4/2025; Gói 2: Báo cáo thẩm định HSMT số 01/BC-TTĐ ngày 24/01/2025*).

Trung tâm ban hành Quyết định phê duyệt E-HSMT (*Gói 1: Quyết định số E2500082093\_2503111617 ngày 11/3/2025, Quyết định số 29/QĐ-TTKN ngày 19/3/2025 về việc phê duyệt sửa đổi E-HSMT, Quyết định số 30/QĐ-TTKN ngày 27/3/2025 về việc phê duyệt sửa đổi E-HSMT và gia hạn thời điểm đóng, mở thầu, Quyết định số 31/QĐ-TTKN ngày 02/4/2025 về việc phê duyệt sửa đổi E-HSMT và gia hạn thời điểm đóng, mở thầu; Gói 2: Quyết định số E2500031766\_2501241110 ngày 24/01/2025*).

Trung tâm đăng tải Thông báo mời thầu (TBMT): Gói 1 mã TBMT số IB2500082093 ngày 02/4/2025, Gói 2 mã TBMT số IB2500031766 ngày 24/01/2025.

- Lập Biên bản mở thầu (Gói 1: ngày 14/4/2025, Gói 2: ngày 04/3/2025).
  - Đơn vị tư vấn có Báo cáo đánh giá E-HSDT (Gói 1: Báo cáo số 152/BCĐG-MĐ ngày 28/7/2025, Báo cáo điều chỉnh báo cáo đánh giá E-HSDT “số 152/BCĐG-MĐ ngày 28/7/2025” số 172/BCĐG-MĐ ngày 28/8/2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thương mại Minh Đức, Gói 2: Báo cáo đánh giá E-HSDT số 2838/BCĐG-TGV ngày 22/12/2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Giám sát Việt Nam).
  - Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp Trung tâm đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng (Gói 1: Tờ trình số 19/TTr-TCHC ngày 08/8/2025, Tờ trình số 21/TTr-TCHC ngày 28/8/2025, Tờ trình số 19/TTr-TCHC ngày 08/8/2025 đề nghị phê duyệt điều chỉnh kết quả lựa chọn nhà thầu; Gói 2: Tờ trình số 46/TTr-TCHC ngày 29/12/2025).
  - Tổ thẩm định báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Gói 1: Báo cáo số 02/BC-TTĐ ngày 11/8/2025, Báo cáo thẩm định điều chỉnh kết quả lựa chọn nhà thầu số 03/BC-TTĐ ngày 28/8/2025, Báo cáo thẩm định điều chỉnh kết quả lựa chọn nhà thầu số 04/BC-TTĐ ngày 05/12/2025; Gói 2: Báo cáo số 05/BC-TTĐ ngày 29/12/2025).
  - Trung tâm ban hành phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng (Gói 1: Quyết định số 82/QĐ-TTKN ngày 12/8/2025 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định số 107/QĐ-TTKN ngày 29/8/2025 về việc điều chỉnh kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định số 187/QĐ-TTKN ngày 12/12/2025 về việc điều chỉnh kết quả lựa chọn nhà thầu; Gói 2: Quyết định số 208/QĐ-TTKN ngày 29/12/2025 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu).
  - Trung tâm công khai kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Gói số 1: ngày 12/12/2025, Gói số 2: ngày 30/12/2025).
- Qua thanh tra cho thấy:*
- Hồ sơ mời thầu cơ bản được xây dựng theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2023<sup>15</sup>; Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.
  - Trung tâm đã thực hiện các bước lập, thẩm định, phê duyệt E-HSMT; đăng tải thông báo mời thầu; tổ chức mở thầu; đánh giá E-HSDT; thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo trình tự đấu thầu qua mạng quy định tại Điều 50 Luật Đấu thầu năm 2023.
  - Kiểm tra hồ sơ dự thầu của 50 công ty trúng thầu (tổng số 410 mã thuốc) Gói 01 (*Phụ lục XI*) và 10 công ty trúng thầu (tổng số 28 mã thuốc) Gói 02 (*Phụ lục XII*): 100% Hồ sơ dự thầu đủ thành phần, đáp ứng các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật theo quy định của hồ sơ mời thầu.

<sup>15</sup> Được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025.

- Công khai thông báo mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Đấu thầu năm 2023.

*Tuy nhiên vẫn còn hạn chế, khuyết điểm:*

- Đối với Gói 1: E-HSMT sau khi được phê duyệt ngày 11/3/2025 tiếp tục phải sửa đổi nhiều lần<sup>16</sup>, cho thấy công tác lập, rà soát, thẩm định E-HSMT ban đầu chưa bảo đảm chặt chẽ, đầy đủ theo quy định tại Điều 44 Luật Đấu thầu năm 2023 và Điều 24 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP).

- Quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu kéo dài vượt quá thời gian theo kế hoạch được duyệt (*theo kế hoạch: 120 ngày; thực tế: gói 1 là 172 ngày, gói 2 là 340 ngày*) là chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ đầu tư, bên mời thầu theo khoản 5 Điều 39 Luật Đấu thầu năm 2023; chưa bảo đảm nguyên tắc về tiến độ, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm của các bên trong hoạt động đấu thầu theo Điều 6 Luật Đấu thầu năm 2023.

- Đối với Gói 1, sau khi Trung tâm ban hành Quyết định số 82/QĐ-TTKN ngày 12/8/2025 phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, tiếp tục điều chỉnh kết quả lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 107/QĐ-TTKN ngày 29/8/2025 và Quyết định số 187/QĐ-TTKN ngày 12/12/2025 (do mã thuộc đã trúng thầu không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo hồ sơ mời thầu), không đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

### **3. Hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung:**

Sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, Trung tâm tiến hành: Phân bổ thuộc trúng thầu cho các cơ sở y tế dựa trên dự trù đã được Sở phê duyệt; đăng Thông báo trúng thầu và mời ký kết thỏa thuận khung trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; tiến hành gửi Dự thảo, ký kết thỏa thuận khung với các nhà thầu trúng thầu; rà soát, tiếp nhận Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng của các nhà thầu theo quy định; công khai Thỏa thuận khung đã ký kết (có công văn gửi Sở Y tế và UBND thành phố đề nghị công khai kết quả lựa chọn nhà thầu cùng với Thỏa thuận khung đã ký kết giữa Trung tâm và các Nhà thầu trúng thầu trên Cổng Thông tin điện tử của UBND thành phố và Trang thông tin điện tử của Sở Y tế); theo dõi tình hình ký hợp đồng và thực hiện công tác điều tiết, giám sát quá trình thực hiện Thỏa thuận khung.

*Qua thanh tra cho thấy:*

Việc hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung giữa Trung tâm và các nhà thầu trúng thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 43 và khoản 4 Điều 53 Luật Đấu thầu năm 2023.

### **4. Công tác báo cáo tình hình thực hiện đấu thầu:**

<sup>16</sup> theo các Quyết định số 29/QĐ-TTKN ngày 19/3/2025, Quyết định số 30/QĐ-TTKN ngày 27/3/2025 và Quyết định số 31/QĐ-TTKN ngày 02/4/2025 của Trung tâm.

Trung tâm đã thực hiện lập, gửi Báo cáo số 04/BC-TTKN ngày 09/01/2026 về tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2025 theo chỉ đạo của Sở Y tế tại Công văn số 46/SYT-KHTC ngày 05/01/2026.

Hồ sơ báo cáo cơ bản thể hiện được thông tin về tên gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và tình hình triển khai thực hiện các gói thầu.

### **C. KẾT LUẬN**

Qua thanh tra, Sở Y tế, Trung tâm đã triển khai các nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác tham mưu quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế quy định. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế, khuyết điểm:

#### **1. Đối với Sở Y tế**

- Sở chậm công bố, cập nhật trên trang thông tin điện tử của Sở đối với thông tin trong tháng 7/2025 về cấp, cấp lại, điều chỉnh CCHN dược theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP; thông tin về cấp, điều chỉnh giấy ĐDKKDD theo quy định tại khoản 7 Điều 22 và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP (*quy định: 3 ngày làm việc, Sở: thông tin trong tháng 7 được đăng tải vào ngày 01/8/2025*).

- Sở không tiến hành niêm phong thuốc không đạt chất lượng mà yêu cầu các cơ sở có mẫu không đạt thực hiện niêm phong và cử chuyên viên tham gia phối hợp niêm phong mẫu là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 1 (đối với cơ sở bán lẻ), điểm a khoản 2 (đối với cơ sở bán buôn) Điều 14 Thông tư số 30/2025/TT-BYT.

- Sở thực hiện xác định mức độ vi phạm và kết luận thu hồi thuốc vi phạm chậm so với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư số 30/2025/TT-BYT và khoản 2 Điều 18 Thông tư số 32/2025/TT-BYT (*quy định: trong thời hạn 48 giờ; Sở thực hiện: 13 ngày*).

- Quyết định kiểm tra chuyên ngành không nêu thời hạn kiểm tra theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 11 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

*Trách nhiệm các hạn chế, khuyết điểm trên thuộc về Sở Y tế.*

- Qua kiểm tra, xác minh tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc, mỹ phẩm, TBYT còn hạn chế, khuyết điểm:

+ Hộ kinh doanh Nguyễn Thúy Nga: Tại thời điểm kiểm tra, Nhà thuốc đang hoạt động, người phụ trách chuyên môn vắng mặt; Cơ sở có bán lẻ thuốc không đựng trong bao bì ngoài của thuốc nhưng không ghi rõ tên thuốc, hàm lượng, hạn dùng cho khách hàng; Không niêm yết đầy đủ giá các sản phẩm kinh doanh là không đúng các quy định lần lượt tại điểm b và điểm a khoản 4, điểm a khoản 2 Phần III Phụ lục I-1a Thông tư số 02/2018/TT-BYT.

+ Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dược phẩm Omega: Dữ liệu của thiết bị nhiệt ẩm kế tự ghi tháng 5, 6, 8, 9 năm 2025 ghi nhận dữ liệu độ ẩm trên

75%, dữ liệu tự ghi 1 tiếng/1 lần là không đúng quy định tại điểm b khoản 3 Phần II Phụ lục I-1a Thông tư số 02/2018/TT-BYT.

+ Hộ kinh doanh Nhà thuốc Nhật Vương: có 01 giường và 01 bể cá trong khu vực nhà thuốc; Để lẫn sản phẩm thực phẩm Viên nén tạo ngọt Cologrin Sweetener tablers vào khu vực để thuốc; Dữ liệu về nhiệt độ, độ ẩm của thiết bị nhiệt ẩm kế tự ghi 2 lần/ngày là không đúng các quy định lần lượt tại điểm b khoản 1, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Phần II Phụ lục I-1a Thông tư số 02/2018/TT-BYT.

+ Hộ kinh doanh Uyên Thiết bị y tế: Cơ sở kinh doanh sản phẩm Máy vật lý trị liệu Wonder MF5-08N có nhãn hàng hóa không có thông tin ngày tháng năm sản xuất, số lưu hành, số lô hoặc số seri, số lưu hành sản phẩm; Sản phẩm Máy xông khí dung Oromi (mã SW-1Y) và sản phẩm Máy xông khí dung Oromi (mã UNI100) có nhãn hàng hóa không ghi số lưu hành sản phẩm là không đúng quy định tại Phụ lục I Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

*Trách nhiệm thuộc về cơ sở có hạn chế, khuyết điểm.*

## **2. Đối với Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm**

- Gửi hồ sơ đề nghị đánh giá GLP tới Cục quản lý Dược đối với cơ sở 2 chậm 180 ngày so với quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 04/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế.

- Trong kỳ thanh tra, Trung tâm chưa ban hành Sổ tay chất lượng sau thời điểm sáp nhập; vì vậy nội dung Chương 3 (giới thiệu Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Dương/Hải Phòng), Chương 5 (quy định về yêu cầu về cơ cấu: tư cách pháp nhân, sơ đồ cơ cấu, tổ chức...) không còn phù hợp với thực tế.

- Phần căn cứ pháp lý của các thủ tục, tài liệu như Quy trình giao nhận mẫu, Hướng dẫn đường đi của mẫu thử nghiệm, Thủ tục kiểm soát tài liệu... của Sổ tay chất lượng chưa được cập nhập bổ sung các văn bản quy định hiện hành mà vẫn viện dẫn các văn bản quy định chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc hết hiệu lực.

- Biên bản lấy mẫu 15 bộ hồ sơ kiểm nghiệm Đoàn kiểm tra không ghi đầy đủ thông tin cột Nhận xét tình trạng mẫu theo biểu mẫu.

- Thời gian trả lời kết quả kiểm nghiệm (*từ ngày nhận được mẫu đến ngày trả lời kết quả kiểm nghiệm*) chậm so với quy định tại điểm c Điều 7 Thông tư số 30/2025/TT-BYT (đối với thuốc) hoặc quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 32/2025/TT-BYT (đối với dược liệu). Tỷ lệ mẫu chậm muộn tương đối lớn (50,84% mẫu). Các mẫu chậm trả lời kết quả phân tích không có giải trình lý do tại văn bản kèm theo phiếu kiểm nghiệm theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 7 Thông tư số 30/2025/TT-BYT.

*Trách nhiệm các hạn chế, khuyết điểm trên thuộc về Trung tâm.*

### **3. Đối với công tác đấu thầu tập trung**

- Công tác lập, rà soát, thẩm định E-HSMT ban đầu Gói 1 chưa bảo đảm chặt chẽ, đầy đủ theo quy định tại Điều 44 Luật Đấu thầu năm 2023 và Điều 24 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu kéo dài vượt quá thời gian theo kế hoạch được duyệt (*theo kế hoạch: 120 ngày; thực tế: Gói 1 là 172 ngày, Gói 2 là 340 ngày*) là chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ đầu tư, bên mời thầu theo khoản 5 Điều 39 Luật Đấu thầu năm 2023; chưa bảo đảm nguyên tắc về tiến độ, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm của các bên trong hoạt động đấu thầu theo Điều 6 Luật Đấu thầu năm 2023.

- Đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà thầu tham dự Gói 1 không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu, không đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

*Trách nhiệm thuộc về Trung tâm, Tổ chuyên gia và Tổ thẩm định<sup>17</sup>.*

### **4. Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm**

- Nguyên nhân khách quan:

+ Niên độ thanh tra vào giai đoạn các đơn vị thực hiện chủ trương sáp nhập nên vừa thực hiện công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự, di dời trụ sở làm việc, số hóa tài liệu... vừa thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực ngành.

+ Sau ngày 01/7/2025, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp nên rất nhiều các văn bản quy phạm pháp luật về được, mỹ phẩm, thiết bị y tế được ban hành mới hoặc được sửa đổi, bổ sung. Một số văn bản quy phạm còn vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Các đơn vị mặc dù đã quan tâm đến việc cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện, song chưa được đầy đủ, toàn diện.

+ Số lượng cán bộ, công chức, viên chức 02 đơn vị giảm (Sở Y tế giảm 12 công chức sau sáp nhập; Trung tâm giảm 02 viên chức sau sáp nhập) trong khi khối lượng công việc tăng.

### **D. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG**

Đoàn đã tham mưu Thanh tra thành phố có Văn bản số 860/TTTP-NV10 ngày 14/4/2026 về việc xem xét, xử lý vi phạm hành chính (nếu có) đối với 04 cơ sở y tế có tồn tại, vi phạm gửi Sở Y tế.

Ngày 29/4/2026, Sở Y tế đã có Văn bản số 4475/SYT-TCHC về việc xem xét, xử lý vi phạm hành chính; thông tin: đã xử lý vi phạm hành chính đối với Hộ kinh doanh Nguyễn Thúy Nga và Hộ Kinh doanh Nhà thuốc Nhật Vương; Đối

<sup>17</sup> Theo Quyết định số 13/QĐ-TTKN ngày 21/01/2025 của Trung tâm về thành lập Tổ chuyên gia xây dựng hồ sơ mời thầu, Quyết định số 14/QĐ-TTKN ngày 21/01/2025 của Trung tâm về thành lập Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu.

với Hộ kinh doanh Uyên thiết bị y tế và Công ty TNHH TM và DV dược phẩm Omega, Sở Y tế đang tiếp tục làm việc, yêu cầu các cơ sở cung cấp thêm tài liệu để xem xét, xử lý.

Ngày 08/6/2026, Sở Y tế đã có Văn bản số 6195/SYT-TCHC về việc xem xét, xử lý vi phạm hành chính; thông tin: đã xử lý vi phạm hành chính đối với Hộ kinh doanh Uyên thiết bị y tế; không xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dược phẩm Omega do chưa đủ căn cứ.

#### **D. NHỮNG HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP CỦA CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN**

- Bộ Y tế đã xây dựng nhiều cơ sở dữ liệu quốc gia về dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế<sup>18</sup>; ban hành 20 danh mục dữ liệu mở để cung cấp định kỳ cho Nhân dân, cơ sở y tế. Tuy nhiên, chưa xây dựng đồng bộ việc liên thông kết nối dữ liệu về dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế từ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu đến cơ sở bán buôn, cơ sở bán lẻ, cơ sở khám chữa bệnh, người tiêu dùng; dẫn đến khó khăn trong truy xuất nguồn gốc và kiểm soát chuỗi cung ứng thuốc, mỹ phẩm.

- Đối với Thông tư số 32/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 quy định quản lý về chất lượng thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu:

Tại điểm c khoản 3 Điều 15 quy định: *Đối với thông tin về thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này, việc xác định mức độ vi phạm của vị thuốc cổ truyền, dược liệu thực hiện theo quy định tại Điều 17, việc xác định mức độ vi phạm của thuốc cổ truyền thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.* Tuy nhiên Điều 17 Thông tư số 32/2025/TT-BYT quy định *Xử lý thuốc cổ truyền không đạt tiêu chuẩn chất lượng do cơ sở kiểm nghiệm nhà nước thông báo, Điều 18 quy định Xử lý vị thuốc cổ truyền, dược liệu không đạt tiêu chuẩn chất lượng do cơ sở kiểm nghiệm nhà nước thông báo là chưa thống nhất.*

- Đối với Thông tư số 30/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc và thu hồi, xử lý thuốc vi phạm:

+ Tại điểm b khoản 2 Điều 14 quy định: *“Thông báo thu hồi thuốc trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi lấy mẫu và các cơ sở kinh doanh, sử dụng đã được cơ sở bán buôn nơi lấy mẫu thuốc cung cấp theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 12 của Thông tư này”.* Tuy nhiên Điều 12: *“Quy định về việc miễn một hoặc một số hoặc toàn bộ thử nghiệm của quá trình kiểm nghiệm trước khi lưu hành tại cơ sở kiểm nghiệm thuốc đối với vắc xin và sinh phẩm”* là chưa thống nhất.

<sup>18</sup> Như: Ngân hàng dữ liệu ngành dược - drugbank.vn với thông tin, dữ liệu của các loại thuốc đang được cấp phép lưu hành còn hiệu lực tại Việt Nam, phục vụ người dân và doanh nghiệp trong việc tra cứu thông tin về thuốc, đáp ứng được các tiêu chí chính xác, đầy đủ; hoàn thành việc xây dựng hệ thống phần mềm khởi tạo mã định danh cho từng loại thuốc; hoàn thành kết nối mạng các nhà thuốc (cơ sở cung ứng thuốc) toàn quốc từ năm 2018; xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu hành nghề và kinh doanh dược với thông tin về toàn bộ các cơ sở kinh doanh dược, ...

+ Tại điểm b khoản 1 Điều 14 có nêu nội dung: Trường hợp mẫu thuốc vi phạm do cơ quan kiểm tra chất lượng lấy tại cơ sở bán lẻ thuốc, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ban đầu (sau đây gọi chung là cơ sở bán lẻ), Sở Y tế có văn bản yêu cầu: “*cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất hoặc cơ sở nhập khẩu có trách nhiệm phối hợp với cơ sở phân phối bán buôn phối hợp với cơ quan kiểm tra chất lượng lấy mẫu bổ sung tại cơ sở sản xuất đối với thuốc trong nước hoặc cơ sở nhập khẩu đối với thuốc nước ngoài và tại ít nhất 02 cơ sở kinh doanh sử dụng thuốc theo quy định tại khoản 4 Điều này; gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Y tế (Cục Quản lý Dược) và Sở Y tế trong thời hạn tối đa là 15 ngày kể từ ngày Sở Y tế ban hành văn bản yêu cầu; Gửi mẫu đã lấy tới cơ sở kiểm nghiệm tuyến Trung ương để kiểm tra chất lượng đối với chỉ tiêu không đạt*”.

Tuy nhiên chưa có quy định về chế tài xử lý cơ sở không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời việc lấy mẫu, gửi mẫu bổ sung theo yêu cầu, gây khó khăn, kéo dài công tác xử lý.

- Đối với Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế:

Tại khoản 1, 2 Điều 28 và khoản 2 Điều 41 quy định cơ sở công bố về BHYT nộp hồ sơ về Sở Y tế nơi đặt trụ sở kinh doanh trước khi lưu thông; sau đó, Sở Y tế đăng tải số công bố trên Cổng thông tin điện tử về quản lý BHYT (<https://imda.moh.gov.vn>). Tại Điều 66 quy định cụ thể các thủ tục thực hiện trực tuyến. Trên thực tế, cơ sở công bố được cấp tài khoản và trực tiếp đăng tải hồ sơ công bố trên Cổng thông tin điện tử về quản lý BHYT. Trong khi đó, chưa có quy định về thời gian cơ quan có thẩm quyền phải rà soát hồ sơ, kiểm tra thực tế tại cơ sở công bố. Đây là sơ hở trong chính sách pháp luật về quản lý BHYT.

## **E. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Trên cơ sở kết luận nêu trên, Chánh Thanh tra thành phố kiến nghị như sau:

### **1. Bộ Y tế:**

- Xây dựng đồng bộ việc liên thông kết nối dữ liệu về dược, mỹ phẩm để theo dõi được đầy đủ, thuận lợi đường đi của sản phẩm trong chuỗi cung ứng từ khi sản xuất/nhập khẩu đến tay người sử dụng.

- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 15 để thống nhất với Điều 17, Điều 18 tại Thông tư số 32/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 quy định quản lý về chất lượng thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu.

- Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 14 để thống nhất với Điều 12 tại Thông tư số 30/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc và thu hồi, xử lý thuốc vi phạm.

- Bổ sung quy định về chế tài xử lý cơ sở không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời việc lấy mẫu, gửi mẫu bổ sung theo yêu cầu của Sở Y tế tại điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 30/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc và thu hồi, xử lý thuốc vi phạm.

- Bổ sung quy định về thời gian cơ quan có thẩm quyền phải rà soát hồ sơ, kiểm tra thực tế tại cơ sở công bố TBYT.

## 2. Cục Quản lý Dược

- Ban hành văn bản yêu cầu cơ sở thử nghiệm phải nộp hồ sơ đề nghị đánh giá định kỳ đối với các cơ sở thử nghiệm đề nghị đánh giá định kỳ theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2018/TT-BYT.

- Có Kế hoạch đánh giá GLP tiếp theo của các cơ sở kiểm nghiệm trước hoặc ngay sau thời điểm hết hạn chứng chỉ GLP cơ sở kiểm nghiệm đang có<sup>19</sup>.

## 3. Sở Y tế

- Kiểm điểm, chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, khuyết điểm mà Thanh tra thành phố đã nêu tại mục 1 Phần C Kết luận thanh tra này.

- Xem xét, xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) đối với hành vi chậm nộp hồ sơ đề nghị đánh giá GLP định kỳ cơ sở 2 của Trung tâm.

- Sở Y tế có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Kết luận thanh tra đúng quy định.

## 4. Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm

- Kiểm điểm, chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, khuyết điểm mà Thanh tra thành phố đã nêu tại mục 2, 3 Phần C Kết luận thanh tra này.

- Trung tâm có có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Kết luận thanh tra đúng quy định.

## 5. Sở Tài chính

Xem xét, xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) với các khuyết điểm, tồn tại về đấu thầu của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng.

### Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- UBND TP;
- Cục Quản lý Dược;
- Chánh Thanh tra;
- PCTT T.V.Cường, V.A.Thur;
- Đối tượng thanh tra;
- Lưu: VT, HSTTr.



<sup>19</sup> Trung tâm cơ sở 1 có Giấy GLP hết hạn ngày 02/7/2025, cơ sở 2 có Giấy GLP hết hạn ngày 24/11/2025. Cục quản lý Dược có kế hoạch đánh giá cơ sở 1 tháng 10/2025, cơ sở 2 tháng 11/2025.

**Phụ lục I: Danh sách hồ sơ cấp, điều chỉnh chứng chỉ hành nghề**

(Ban hành kèm theo Kết luận số **47** /KL-TTTP ngày **16** /6/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng)

| STT | Mã hồ sơ            | Ngày tiếp nhận | Ngày hẹn trả | Ngày trả kết quả | Tên công dân         | Thủ tục<br>(cấp, điều chỉnh<br>...) CCHN | Phạm vi<br>(Quầy thuốc,<br>nhà thuốc...) |
|-----|---------------------|----------------|--------------|------------------|----------------------|--|--|
| 1   | H24.18-251211-8793  | 11/12/2025     | 22/12/2025   | 17/12/2025       | Đỗ Minh Tuấn         | Cấp                                      | Quầy thuốc                               |
| 2   | H24.18-251017-14679 | 17/10/2025     | 28/10/2025   | 27/10/2025       | Nguyễn Phương Thanh  | Cấp                                      | Quầy thuốc                               |
| 3   | H24.18-251015-9924  | 24/10/2025     | 03/11/2025   | 31/10/2025       | Đoàn Thị Kha         | Cấp                                      | Quầy thuốc                               |
| 4   | H24.18-251028-21941 | 29/10/2025     | 08/11/2025   | 07/11/2025       | Lương Phương Thảo    | Cấp                                      | Nhà thuốc                                |
| 5   | H24.18-251025-3288  | 07/11/2025     | 18/11/2025   | 15/11/2025       | Trần Thị Tình        | Cấp                                      | Quầy thuốc                               |
| 6   | H24.18-251114-20000 | 4/11/2025      | 25/11/2025   | 22/11/2025       | Vũ Thị Mai Anh       | Cấp                                      | Nhà thuốc                                |
| 7   | H24.18-251128-11838 | 28/11/2025     | 08/12/2025   | 06/12/2025       | Phạm Thị Phương      | Cấp                                      | Quầy thuốc                               |
| 8   | H24.18-251210-5869  | 10/12/2025     | 20/12/2025   | 17/12/2025       | Nguyễn Thị An        | Cấp                                      | Quầy thuốc                               |
| 9   | H24.18-251215-19533 | 16/12/2025     | 26/12/2025   | 22/12/2025       | Nguyễn Văn Lâm       | Cấp                                      | Nhà thuốc                                |
| 10  | H24.18-250801-3251  | 08/08/2025     | 19/08/2025   | 15/08/2025       | Trần Thị Ngọc Diễm   | Cấp                                      | Nhà thuốc                                |
| 11  | H24.18-251009-6002  | 30/10/2025     | 09/11/2025   | 07/11/2025       | Trần Thị Thủy        | Cấp                                      | Nhà thuốc                                |
| 12  | H24.18-251003-16280 | 10/10/2025     | 20/10/2025   | 18/10/2025       | Phạm Thị Luyến       | Cấp                                      | Quầy thuốc                               |
| 13  | H24.18-251021-16683 | 21/10/2025     | 01/11/2025   | 30/10/2025       | Phạm Thị Hai Yến     | Cấp                                      | Nhà thuốc                                |
| 14  | H24.18-251104-8380  | 05/11/2025     | 15/11/2025   | 13/11/2025       | Nguyễn Phương Thảo   | Cấp                                      | Quầy thuốc                               |
| 15  | H24.18-251113-21308 | 14/11/2025     | 25/11/2025   | 22/11/2025       | Lê Thị Nhâm          | Cấp                                      | Quầy thuốc                               |
| 16  | H24.18-251113-18040 | 16/11/2025     | 21/11/2025   | 20/11/2025       | Nguyễn Thị Hồng Thư  | Điều chỉnh                               | Quầy thuốc                               |
| 17  | H24.18-250822-11012 | 25/08/2025     | 04/09/2025   | 30/08/2025       | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Cấp                                      | Quầy thuốc, tủ<br>thuốc TYT xã           |
| 18  | H24.18-250813-11787 | 14/08/2025     | 24/08/2025   | 24/08/2025       | Vũ Thị Xuân          | Cấp                                      | Quầy thuốc                               |
| 19  | H24.18-251030-7147  | 31/10/2025     | 10/11/2025   | 7/11/2025        | Mạc Thị Thủy         | Cấp                                      | Quầy thuốc                               |
| 20  | H24.18-251113-19980 | 14/11/2025     | 19/11/2025   | 19/11/2025       | Hoàng Thị Thu        | Điều chỉnh                               | Quầy thuốc                               |



**Phụ lục II: Danh sách hồ sơ cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được**  
(ban hành kèm theo Kết luận số **17** /KL-TTTP ngày **16/6/2026** của Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng)

| TT | Tên cơ sở  | Địa chỉ kinh doanh  | Loại TTHC  | Mã hồ sơ TTHC       | Ngày nộp   | Ngày hẹn trả | Ngày trả KQ |
|----|--|---|--|---------------------|------------|--------------|-------------|
| 1  | Tên cơ sở: Công ty TNHH một thành viên được phần Traphaco<br>Tên địa điểm kinh doanh: Trung tâm phân phối Hải Dương - Địa điểm kinh doanh công ty TNHH một thành viên được phần Traphaco | Trụ sở: Ngõ 15 đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội;<br>Địa chỉ kinh doanh: Lô 87.1.17 khu biệt thự Trường An, phía tây Nam Cường, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh được                 | H24.18-250820-6629  | 21/8/2025  | 05/9/2025    | 29/8/2025   |
| 2  | Công ty cổ phần y tế Thorman   | Số 57 Nguyễn Đồng Chi, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng   | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh được                 | H24.18-251117-13403 | 15/12/2025 | 31/12/2025   | 30/12/2025  |
| 3  | Trung tâm phân phối Hải Phòng - địa điểm kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên Được phần Traphaco   | Số 14 15 Lô BD 6KĐT PG An Đông, xã An Đông, huyện An Dương, Hải Phòng   | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh được                 | H24.18-250915-17144 | 01/10/2025 | 16/10/2025   | 15/10/2025  |
| 4  | Địa điểm kinh doanh tại Hải Phòng - Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Thanh Hóa   | thôn Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, tp Hải Phòng  | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh được                 | H24.18-250912-10024 | 07/10/2025 | 23/10/2025   | 22/10/2025  |
| 5  | Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dược phẩm HP   | Số 16 Lê Đại Hành, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh được                 | H24.18-250917-13134 | 22/09/2025 | 07/10/2025   | 06/10/2025  |
| 6  | Công ty cổ phần Nam An Phát Đông Nhân  | Thôn Tam Cường, Xã Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng   | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh được                 | H24.18-251117-6842  | 26/11/2025 | 11/12/2025   | 10/12/2025  |
| 7  | Hộ kinh doanh Nhà thuốc Đức Thiện SG II  | Số 298 Thanh Niên, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng  | Cấp lại, điều chỉnh GCN đủ điều kiện kinh doanh được | H24.18-250903-15490 | 04/9/2025  | 15/9/2025    | 11/9/2025   |
| 8  | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR) tại Hải Phòng  | Số 99 đường 854, phường Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng  | Cấp lại, điều chỉnh GCN đủ điều kiện kinh doanh được | H24.18-251014-11068 | 14/10/2025 | 24/10/2025   | 22/10/2025  |
| 9  | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng - Hiệu thuốc Thủy Nguyên   | Số 1 Bạch Đằng, Thị trấn Núi Đèo, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng  | Cấp lại, điều chỉnh GCN đủ điều kiện kinh doanh được | H24.18-251014-5807  | 14/10/2025 | 25/10/2025   | 22/10/2025  |
| 10 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương - Chi nhánh Hải Dương 1   | Số 385 Trần Phú, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng   | Cấp lại, điều chỉnh GCN đủ điều kiện kinh doanh được | H24.18-251008-12746 | 08/10/2025 | 18/10/2025   | 12/10/2025  |

| TT | Tên sơ sở  | Địa chỉ kinh doanh   | Loại TTHC  | Mã hồ sơ TTHC       | Ngày nộp   | Ngày hẹn trả | Ngày trả KQ |
|----|--|--|--|---------------------|------------|--------------|-------------|
| 11 | Công ty cổ phần Dược Phẩm FPT Long Châu – địa điểm kinh doanh nhà thuốc Long Châu 1646                               | Số 230 Miếu Hai Xã, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng  | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh dược                 | H24.18-251218-14107 | 18/12/2025 | 03/01/2026   | 30/12/2025  |
| 12 | Địa điểm kinh doanh chi nhánh - Công ty cổ phần dược phẩm dược phẩm Pharmacy tại Hà Nội - Nhà thuốc Pharmacy số 1752 | Số 119 + 121 đường Tôn Đức Thắng, phường An Biên, Thành phố Hải Phòng                          | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh dược                 | H24.18-251212-4365  | 19/12/2025 | 04/01/2026   | 30/12/2025  |
| 13 | Nhà thuốc Thượng Lý  | BH04-10 KĐT Vinhomes Imperia Hải Phòng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng                  | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh dược                 | H24.18-251001-7847  | 08/10/2025 | 23/10/2025   | 21/10/2025  |
| 14 | Hộ kinh doanh Quầy thuốc Quỳnh Chi   | Thôn Thanh Khê, xã Lai Khê, thành phố Hải Phòng  | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh dược                 | H24.18-250829-6826  | 03/9/2025  | 19/9/2025    | 11/9/2025   |
| 15 | Hộ kinh doanh Nhà thuốc Hương Vân  | Số 189 - KDC Phục Thiện, phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng                            | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh dược                 | H24.18-250915-15294 | 15/9/2025  | 01/10/2025   | 30/9/2025   |
| 16 | Công ty TNHH Thương mại và dược phẩm OMEGA   | P907+908, Tầng 9 Tòa nhà Taiyo, số 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.        | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh dược                 | H24.18-251203-8273  | 19/12/2025 | 03/01/2025   | 31/12/2025  |
| 17 | Công ty cổ phần dược phẩm quốc tế AMG pharma   | Thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 09, khu đô thị thương mại Ghê, xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh dược                 | H24.18-251016-14098 | 27/10/2025 | 11/11/2025   | 08/11/2025  |
| 18 | Hộ kinh doanh Nhà thuốc Thanh Tùng   | Số 385 Miếu Hai Xã, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng  | Cấp lại, điều chỉnh GCN đủ điều kiện kinh doanh dược | H24.18-250923-5314  | 23/09/2025 | 27/09/2025   | 26/09/2025  |
| 19 | Hộ kinh doanh Quầy thuốc Thăng Huyền   | Thôn La Đồi, xã Hợp Tiến, thành phố Hải Phòng  | Cấp lại, điều chỉnh GCN đủ điều kiện kinh doanh dược | H24.18-250930-16461 | 03/10/2025 | 14/10/2025   | 07/10/2025  |
| 20 | Hộ kinh doanh Nhà thuốc Nga Thái Bình 2  | Số 117 Bình Lộc, phường Lê Thanh Nghi, thành phố Hải Phòng                                     | Cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh dược                 | H24.18-251215-19019 | 15/12/2025 | 31/12/2025   | 30/12/2025  |

**Phụ lục III: Danh sách hồ sơ Đánh giá định kỳ thực hành tốt**  
(Ban hành kèm theo Kết luận số 17 /KL-TTTP ngày 16/6/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng)

| TT | Tên cơ sở  | Địa chỉ kinh doanh   | Loại TTTC            | Mã hồ sơ TTTC       | Ngày nộp   | Ngày hẹn trả | Ngày trả KQ |
|----|--|--|----------------------|---------------------|------------|--------------|-------------|
| 1  | Công ty sở hữu phân dược vật tư y tế Hải Dương - Chi nhánh Hải Dương I | Số 385 Trần Phú, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng  | Đánh giá định kỳ GDP | H24.18-251020-4300  | 20/10/2025 | 05/11/2025   | 31/10/2025  |
| 2  | Công ty TNHH Dược phẩm Trường Phúc                                     | Số 11 phố Kênh Tre, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng  | Đánh giá định kỳ GDP | H24.18-251024-12178 | 24/10/2025 | 08/11/2025   | 31/10/2025  |
| 3  | Công ty TNHH Thương mại và Dược phẩm Hải Bà Trưng                      | Số 319 Hai Bà Trưng, phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng   | Đánh giá định kỳ GDP | H24.18-251022-3465  | 22/10/2025 | 06/11/2025   | 05/11/2025  |
| 4  | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Lê                                   | 63 Điện Biên Phủ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng  | Đánh giá định kỳ GDP | H24.18-250916-10159 | 16/9/2025  | 01/10/2025   | 29/9/2025   |
| 5  | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Hải Phòng                 | Số 91 B đường Mãng Nước, xã An Đồng, Huyện An Dương, Hải Phòng   | Đánh giá định kỳ GDP | H24.18-250922-16629 | 03/10/2025 | 19/10/2025   | 15/10/2025  |
| 6  | Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng                          | Số 14 Kỳ Con, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  | Đánh giá định kỳ GDP | H24.18-251205-9638  | 18/12/2025 | 03/01/2026   | 31/12/2025  |
| 7  | Công ty cổ phần thương mại và dược phẩm Hưng Việt - Hải Phòng          | Số 11 Đào Dò, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  | Đánh giá định kỳ GDP | H24.18-251119-6002  | 19/11/2025 | 04/12/2025   | 01/12/2025  |
| 8  | Nhà thuốc Phúc Tâm An  | Thôn La Dồi, xã Hợp Tiến, thành phố Hải Phòng  | Đánh giá định kỳ GPP | H24.18-251025-6197  | 27/10/2025 | 11/11/2025   | 08/11/2025  |
| 9  | Quầy thuốc số 72-Hà Thị Liên   | Thôn Nghĩa Phú, xã Tuệ Tĩnh, thành phố Hải Phòng   | Đánh giá định kỳ GPP | H24.18-250912-12093 | 15/9/2025  | 01/10/2025   | 25/9/2025   |
| 10 | Nhà thuốc Thư Bình   | Số 179 Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng  | Đánh giá định kỳ GPP | H24.18-251118-3343  | 19/11/2025 | 04/12/2025   | 02/12/2025  |
| 11 | Nhà thuốc Hải Bình   | 26 Đào Dò, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng   | Đánh giá định kỳ GPP | H24.18-250918-6898  | 19/09/2025 | 04/10/2025   | 01/10/2025  |
| 12 | Nhà thuốc Hoa Phương   | Số 54 Lê Quốc Uy, Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng  | Đánh giá định kỳ GPP | H24.18-251002-15719 | 03/10/2025 | 18/10/2025   | 15/10/2025  |
| 13 | Nhà thuốc Tâm Đức  | Số 98 Hoàng Quốc Việt, phường Nhi Chiểu, TP. Hải Phòng   | Đánh giá định kỳ GPP | H24.18-251215-9906  | 15/12/2025 | 31/12/2025   | 30/12/2025  |
| 14 | Quầy thuốc Ngọc Thuần  | Số 103B, đường 20-9, xã Phú Thái, thành phố Hải Phòng  | Đánh giá định kỳ GPP | H24.18-251216-1343  | 16/12/2025 | 01/01/2026   | 30/12/2025  |
| 15 | Nhà thuốc phòng khám đa khoa Thanh Bình trực thuộc CTCP Đại Đồng Đường | Trong khuôn viên phòng khám đa khoa Thanh Bình, lô 02.1-02, khu đô thị mới phía Tây, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng | Đánh giá định kỳ GPP | H24.18-251123-12408 | 24/11/2025 | 09/12/2025   | 07/12/2025  |

| STT | Văn bản TTKN báo cáo  | Thông tin mẫu không đạt   | Công văn gửi nơi lấy mẫu   |  | Số hiệu văn bản  | Số hiệu văn bản   | Công văn gửi công ty cung ứng hoặc thông báo rộng rãi trên địa bàn thành phố   | Nơi gửi   | Công văn phân phối của cơ sở |
|-----|---|---|--|--|--|---|--|---|------------------------------|
|     |   |   | Số hiệu văn bản  | Nơi gửi  |  |   |  |   |                              |
| 1   | Công văn số 496/TTKN-TCHC ngày 21/07/2025 và Phiếu kiểm nghiệm  | 1. Dung dịch tiêm Dubemini (Cyanocobalamin 1 mg; Thiamin hydrochlorid 100 mg; Pyridoxin hydrochlorid 100 mg); SDK: VN-20721-17<br>- Số lô: 24018;<br>- NSX: JUL.24;<br>- Hạn dùng: JUN.26<br>2. Thuốc tiêm Trivit - B 3 ml (Vitamin B1 100 mg, Vitamin B6 50 mg, Vitamin B12 1000 mcg); SDK: VN-19998-16<br>- Số lô: 424184;<br>- NSX: 18/10/24;<br>- Hạn dùng: 18/10/26; | Công văn số 3640/SYT-NV ngày 24/07/2025 Về việc xử lý mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng          | - Trung tâm Y tế Kinh Môn;<br>- Trung tâm Y tế Chí Linh  | Công văn số 3912/SYT-NVD ngày 03/08/2025 V/v thông báo thu hồi thuốc vi phạm mức độ 2                    | - Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;<br>- Sở Y tế thành phố Hà Nội;<br>- Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu;<br>- Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố;<br>- Các cơ sở kinh doanh, sử dụng thuốc trên địa bàn thành phố;<br>- Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DELTA (địa chỉ: Số 175 Tân Lập, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam).<br>- Công ty CP XNK Y TẾ Việt Nam VIMEDIMEX VN (địa chỉ: 138, Giảng Võ, Phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội)<br>- Cục Quản lý Dược (để báo cáo);<br>- Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương;<br>- Viện Kiểm nghiệm Thuốc Thành phố Hồ Chí Minh;<br>- Ban GD SYT;<br>- TTKN Thuốc, MP, TP thành phố Hải Phòng;<br>- Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng;<br>- Các phòng: NVD, QLHN;<br>- TCHC (đăng tải lên cổng TTĐT SYT); | - Sở Y tế thành phố Hà Nội;<br>- Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu;<br>- Các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn thành phố;<br>- Các cơ sở kinh doanh, sử dụng thuốc trên địa bàn thành phố;<br>- Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim, Việt Nam (Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam)<br>- Công ty TNHH Dịch vụ y tế Hưng Thành (Số nhà 108 đường Tà Thanh Oai, xã Tà Thanh oai, Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam)<br>- Cục Quản lý Dược (để báo cáo);<br>- Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương;<br>- Viện Kiểm nghiệm Thuốc Thành phố Hồ Chí Minh;<br>- Ban GD SYT;<br>- TTKN thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng;<br>- Các phòng: NVD, QLHN;<br>- TCHC (đăng tải lên cổng TTĐT SYT);<br>- Lưu: VT, NVD. | - Báo cáo số 227/BC-TTYT ngày 03/12/2025 của Trung tâm Y tế Từ Kỳ<br>- Báo cáo số 91/BC-TTYT ngày 01/12/2025 của Trung tâm Y tế Kim Thành |                              |
| 2   | Công văn số 826/TTKN-TCHC ngày 25/11/2025 và các phiếu kiểm nghiệm số 1271/LM-KN ngày 25/11/2025, số 1272/LM-KN ngày 25/11/2025 | 1. Viên nén phân tán Taphenplus 500 (Paracetamol 500mg); SDK: VD-28441-17<br>- Số lô: 140524; NSX: 29/05/24; Hạn dùng: 29/05/26;<br>2. Viên nén phân tán Taphenplus 500 (Paracetamol 500mg); SDK: VD-28441-17; Số lô: 090524; NSX: 13/05/24; Hạn dùng: 13/05/26   | Công văn số 7890/SYT-NVD ngày 26/11/2025 Về việc xử lý thuốc kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn chất lượng | - Trung tâm Y tế Từ Kỳ;<br>- Trung tâm Y tế Kim Thành;<br>- Cục Quản lý Dược (để báo cáo);<br>- Ban GD SYT;<br>- TTKN Thuốc, MP, TP thành phố Hải Phòng; | Công văn số 7897/SYT-NVD ngày 27/11/2025 Về việc thông báo thu hồi thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng | - Sở Y tế thành phố Hà Nội;<br>- Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu;<br>- Các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn thành phố;<br>- Các cơ sở kinh doanh, sử dụng thuốc trên địa bàn thành phố;<br>- Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim, Việt Nam (Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam)<br>- Công ty TNHH Dịch vụ y tế Hưng Thành (Số nhà 108 đường Tà Thanh Oai, xã Tà Thanh oai, Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam)<br>- Cục Quản lý Dược (để báo cáo);<br>- Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương;<br>- Viện Kiểm nghiệm Thuốc Thành phố Hồ Chí Minh;<br>- Ban GD SYT;<br>- TTKN thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng;<br>- Các phòng: NVD, QLHN;<br>- TCHC (đăng tải lên cổng TTĐT SYT);<br>- Lưu: VT, NVD.        | - Báo cáo số 227/BC-TTYT ngày 03/12/2025 của Trung tâm Y tế Từ Kỳ<br>- Báo cáo số 91/BC-TTYT ngày 01/12/2025 của Trung tâm Y tế Kim Thành  |   |                              |



| STT | Văn bản TTKN báo cáo  | Thông tin mẫu không đạt   | Công văn gửi nơi lấy mẫu   |   | Công văn gửi công ty cung ứng hoặc thông báo rộng rãi trên địa bàn thành phố                             |   | Công văn phản hồi của cơ sở  |
|-----|---|---|--|---|--|---|--|
|     |   |   | Số hiệu văn bản  | Nơi gửi   | Số hiệu văn bản  | Nơi gửi   |  |
| 3   | Công văn số 84/TTKN-TCHC ngày 03/12/2025 và Phiếu kiểm nghiệm số 1325/LM-KN ngày 02/12/2025 | Thuốc bột USARALPHAR 8400 UI (Alphachymotrypsin 8400 IU);<br>SDK: 893110416824<br>Số lô: 7351024; NSX: 28.10.24;<br>Hạn dùng: 28.10.26; | Công văn số 8190/SYT-NVD ngày 05/12/2025 V/v xử lý mẫu thuốc kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn chất lượng | - Quầy thuốc công ty TNHH Phòng khám đa khoa An Bình-Đường vành đai Đông Nam, xã Từ Kỳ, thành phố Hải Phòng;<br>- Cục Quản lý Dược (đề b/c);<br>- Ban GD SYT;<br>- TTKN thuốc, MP, TP thành phố Hải Phòng;<br>- Các phòng: NVD, QLHN; | Công văn số 8212/SYT-NVD ngày 05/12/2025 V/v xử lý mẫu thuốc kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn chất lượng | - Công ty CP Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh Nhà máy USARICHPHARM (Địa chỉ trước sáp nhập: Lô số 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam);<br>- Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú (Địa chỉ trước sáp nhập: Lô số 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam).<br>- Cục Quản lý Dược (đề b/c);<br>- Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương;<br>- Viện Kiểm nghiệm Thuốc Thành phố Hồ Chí Minh;<br>- Ban GD SYT;<br>- TTKN Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng;<br>- Các phòng: NVD, QLHN;<br>- Lưu: VT, NVD. | - Báo cáo số 27/PKAB ngày 10/12/2025 của Công ty TNHH Phòng khám đa khoa An Bình<br>- Văn bản số 136/2025/CV-PP ngày 12/12/2025 của Công ty CP Dược phẩm Phong Phú |

**Phụ lục V: Các báo cáo định kỳ do Sở Y tế thực hiện**  
(ban hành kèm theo Kết luận số **17** /KL-TTTP ngày **15/6/2026** của Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng)

| STT | Số văn bản   | Ngày tháng năm | Trích yếu  | Nơi nhận   | Căn cứ pháp lý thực hiện   |
|-----|--------------|----------------|--|--|--|
| 1   | 3414/SYT-NVD | 17/07/2025     | Báo cáo thống kê lĩnh vực được - mỹ phẩm 06 tháng đầu năm 2025   | Bộ Y tế  | Thông tư số 25/2021/TT-BYT   |
| 2   | 78/SYT-NVD   | 06/01/2026     | Báo cáo hoạt động kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt  | - Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;<br>- Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc;<br>- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở nghiên cứu, kiểm nghiệm, cơ sở đào tạo chuyên ngành y, dược, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, cơ sở có hoạt động được không vì mục đích thương mại khác | Nghị định số 163/2025/NĐ-CP  |
| 3   | 79/SYT-NVD   | 06/01/2026     | Báo cáo công tác dược, mỹ phẩm theo quy định tại Thông tư số 25/2021/TT-BYT  | - Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;<br>- Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc-Mỹ phẩm-Thực phẩm thành phố;<br>- Các cơ sở sản xuất mỹ phẩm  | Thông tư số 25/2021/TT-BYT   |
| 4   | 36/BC-SYT    | 24/01/2026     | Báo cáo thống kê lĩnh vực dược, mỹ phẩm  | Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế   | Thông tư số 25/2021/TT-BYT   |
| 5   | 600/BC-SYT   | 24/12/2025     | Báo cáo công tác Dược, mỹ phẩm năm 2025 gửi Cục Quản lý Dược   | Bộ Y tế  | Quyết định số 4369/QĐ-BYT ngày 23/9/2019 của Bộ Y tế                     |
| 7   | 03/BC-SYT    | 07/01/2026     | Báo cáo công tác quản lý mỹ phẩm tại thành phố Hải Phòng năm 2025  | Cục Quản lý Dược- Bộ Y tế  | Thông tư số 06/2011/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm       |
| 8   | 46/BC-SYT    | 29/01/2026     | Báo cáo việc quản lý các cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp chứa tiền chất năm 2025 | Bộ Y tế  | Nghị định 163/2025/NĐ-CP ngày 29/06/2025                                 |
| 9   | 62/BC-SYT    | 14/02/2026     | Báo cáo tình hình sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc phóng xạ, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất năm 2025    | Cục Quản lý Dược- Bộ Y tế  | Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/05/2017 và Thông tư số 27/2024/TT-BYT |

**Phụ lục VI: Danh sách Hồ sơ tiếp nhận Phiếu công bố mỹ phẩm**  
(ban hành kèm theo Kết luận số 47 /KL-TTTP ngày 16/6/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng)

| STT | Mã hồ sơ            | Ngày tiếp nhận hồ sơ | Tên cơ sở chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường                            | Địa chỉ cơ sở chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường   | Tên cơ sở sản xuất   | Địa chỉ cơ sở sản xuất   | Tên sản phẩm                          | STN PCB        | Ngày cấp STN PCB |
|-----|---------------------|----------------------|--|---|--|--|---------------------------------------|----------------|------------------|
| 1   | H24.18-250714-5104  | 16/7/2025            | Công ty TNHH Một thành viên NA NOAH  | Số 31, đường 39, tổ 6, thôn 4, xã Mã Phú, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận                             | Công ty TNHH Chavigreem  | Đội 4, thôn Vạn Hoa (tại nhà ông Nguyễn Huy Hà), xã Hòa Bàng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, Việt Nam           | Dầu xả bọt bưởi MR.NOAH               | 059/25/CBMP-HP | 17/7/2025        |
| 2   | H24.18-250714-5298  | 16/7/2025            | Công ty TNHH Một thành viên NA NOAH  | Số 31, đường 39, tổ 6, thôn 4, xã Mã Phú, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận                             | Công ty TNHH Chavigreem  | Đội 4, thôn Vạn Hoa (tại nhà ông Nguyễn Huy Hà), xã Hòa Bàng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, Việt Nam           | Dầu gội bọt kết trà xanh MR.NOAH      | 060/25/CBMP-HP | 17/7/2025        |
| 3   | H24.18-250721-9203  | 22/7/2025            | Chi nhánh Tổng công ty Hàng Không - CTCP - Bệnh viện Quốc tế Sân - Nhi Hải Phòng | Số 124 đường Nguyễn Đức Cảnh, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam             | Chi nhánh Tổng công ty Hàng Không - CTCP - Bệnh viện Quốc tế Sân - Nhi Hải Phòng | Tầng 1, số 124 đường Nguyễn Đức Cảnh, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam                      | Serum tinh chất dưỡng da              | 061/25/CBMP-HP | 23/7/2025        |
| 4   | H24.18-250808-5558  | 08/8/2025            | Công ty TNHH Technology Việt   | Tầng 4, tòa nhà số 12-16 phố Độc Ngự, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hóa phẩm VICO                         | Số CN2-02 KCN Nam Định VII, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam                              | Nước rửa tay TM CARE                  | 063/25/CBMP-HP | 11/8/2025        |
| 5   | H24.18-250808-6147  | 08/8/2025            | Công ty TNHH VICO  | Số 94, đường 208, xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam                           | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hóa phẩm VICO                         | Số CN2-02 KCN Nam Định VII, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam                              | Sữa rửa tay VICO 5S                   | 064/25/CBMP-HP | 11/8/2025        |
| 6   | H24.18-250815-4309  | 19/8/2025            | Công ty TNHH GIGA OB   | Số 272 đường Lai Thương, thôn Lai Thương, xã Lai Thương, huyện Thach Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Công ty Cổ phần tập đoàn Shabigroup  | Lô 16-17-18 đường Nguyễn Như Quốc, tổ dân phố Văn Quan, phường Đa Phúc, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam | CANDAY DAILY DẦU KHUYNH DIỆP ORGAKIDS | 078/25/CBMP-HP | 20/8/2025        |
| 7   | H24.18-250826-6049  | 04/9/2025            | Công ty TNHH BIO PHARCO  | P.702A, Tầng 7, Tòa nhà Centre Point, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Việt Nam                 | Công ty Cổ phần tập đoàn Shabigroup  | Lô 16-17-18 đường Nguyễn Như Quốc, tổ dân phố Văn Quan, phường Đa Phúc, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam | DẦU gội bưởi trà Tinh Mộc Lâm         | 109/25/CBMP-HP | 04/9/2025        |
| 8   | H24.18-251118-14425 | 18/11/2025           | Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Hương thảo được - Green Beauty               | Số nhà 01 đường Trần Khai Chân 1, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                           | Công ty TNHH Chavigreem  | Đội 4, thôn Vạn Hoa (tại nhà ông Nguyễn Huy Hà), xã Hòa Bàng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, Việt Nam           | Dầu gội bưởi trà Tinh Mộc Lâm         | 176/25/CBMP-HP | 19/11/2025       |
| 9   | H24.18-251118-14656 | 18/11/2025           | Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Hương thảo được - Green Beauty               | Số nhà 01 đường Trần Khai Chân 1, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                           | Công ty TNHH Chavigreem  | Đội 4, thôn Vạn Hoa (tại nhà ông Nguyễn Huy Hà), xã Hòa Bàng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, Việt Nam           | Dầu gội gừng sả hương như LAHE        | 177/25/CBMP-HP | 19/11/2025       |
| 10  | H24.18-251215-16023 | 15/12/2025           | Công ty TNHH LAHE Việt Nam   | 128 Ngõ Vạn Sơ, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  | Công ty TNHH Chavigreem  | Đội 4, thôn Vạn Hoa (tại nhà ông Nguyễn Huy Hà), xã Hòa Bàng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, Việt Nam           | SAUGAVE MIEN                          | 203/25/CBMP-HP | 16/12/2025       |
| 11  | H24.18-250828-8326  | 29/08/2025           | Công ty TNHH MTV Vinhin  | 88 đường Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường Tân An, thành phố Cần Thơ                                       | Công ty cổ phần Nam Dược Hải Long  | Số 8 Trường Hàn Siêu, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng  | SAUGAVE MIEN                          | 94/25/CBMP-HP  | 29/08/2025       |
| 12  | H24.18-250909-13954 | 18/09/2025           | CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PARIS-PHÁP  | Số nhà 12, đường Trần Vỹ, Phường Phú Diễm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                 | Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao FDA                                      | Lô A22 Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát KM 47, Quốc lộ 5 phường Việt Hoà, thành phố Hải Phòng                      | SKIN VP                               | 117/25/CBMP-HP | 19/9/2025        |
| 13  | H24.18-251015-4032  | 15/10/2025           | Công ty TNHH đầu tư thương mại và sản xuất An Khang                              | Cum công nghiệp xã Trảng Lết đường Văn Lang Xã Kê thành phố Hải Phòng                                 | Công ty TNHH đầu tư thương mại và sản xuất An Khang                              | Cum công nghiệp xã Trảng Lết đường Văn Lang Xã Kê thành phố Hải Phòng  | Color Oxygen Activator                | 142/25/CBMP-HP | 15/10/2025       |
| 14  | H24.18-251106-2923  | 06/11/2025           | Công ty cổ phần Nam Dược Hải Long  | Số 8 Trường Hàn Siêu, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng   | Công ty cổ phần Nam Dược Hải Long  | Số 8 Trường Hàn Siêu, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng  | DAILY Y MUSE                          | 161/25/CBMP-HP | 06/11/2025       |
| 15  | H24.18-251117-20544 | 18/11/2025           | Công ty cổ phần Dược phẩm PQA -Thuộc Đông Y giá truyền                           | Thửa 99 Khu Đồng Quan Đường 10 phường Trượng Thị tỉnh Ninh Bình                                       | Công ty cổ phần Nam Dược Hải Long  | Số 8 Trường Hàn Siêu, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng  | Dung dịch vệ sinh phụ nữ              | 175/25/CBMP-HP | 18/11/2025       |

| STT | Mã hồ sơ            | Ngày tiếp nhận hồ sơ | Tên cơ sở chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường | Địa chỉ cơ sở chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường   | Tên cơ sở sản xuất                                  | Địa chỉ cơ sở sản xuất  | Tên sản phẩm                              | STN PCB       | Ngày cấp STN PCB |
|-----|---------------------|----------------------|---|---|---|---|---|---------------|------------------|
| 16  | H24.18-251118-12674 | 18/11/2025           | Công ty TNHH TM xuất nhập khẩu mỹ phẩm Bảo An         | Xóm 4 Thôn Kim Hoàng xã Sơn Đồng thành phố Hà Nội   | Công ty TNHH đầu tư thương mại và sản xuất An Khang | Cum công nghiệp xã Tráng Liệt đường Văn Lang Xã Kê Sặt thành phố Hải Phòng                        | KERATIN & COLLAGEN NOURISHING SHAMPOO     | 178/25/CBM-HP | 19/11/2025       |
| 17  | H24.18-251118-12385 | 18/11/2025           | Công ty TNHH TM xuất nhập khẩu mỹ phẩm Bảo An         | Xóm 4 Thôn Kim Hoàng xã Sơn Đồng thành phố Hà Nội   | Công ty TNHH đầu tư thương mại và sản xuất An Khang | Cum công nghiệp xã Tráng Liệt đường Văn Lang Xã Kê Sặt thành phố Hải Phòng                        | KERATIN & COLLAGEN NOURISHING CONDITIONER | 179/25/CBM-HP | 19/11/2025       |
| 18  | H24.18-251120-22421 | 24/11/2025           | Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao FDA           | Lô A22 khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát KM.47, Quốc lộ 5 phường Việt Hoà, thành phố Hải Phòng | Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao FDA         | Lô A22 khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát KM.47, Quốc lộ 5 phường Việt Hoà, thành phố Hải Phòng | Kem dưỡng rau má                          | 185/25/CBM-HP | 25/11/2025       |
| 19  | H24.18-251211-14769 | 11/12/2025           | Công ty cổ phần Nam Dược Hải Long                     | 58 Trương Hán Siêu, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng   | Công ty cổ phần Nam Dược Hải Long                   | 58 Trương Hán Siêu, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng   | MORPHEUS                                  | 199/25/CBM-HP | 12/12/2025       |
| 20  | H24.18-251211-15172 | 11/12/2025           | Công ty cổ phần Nam Dược Hải Long                     | 58 Trương Hán Siêu, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng   | Công ty cổ phần Nam Dược Hải Long                   | 58 Trương Hán Siêu, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng   | Xịt khử mùi Nacare                        | 202/25/CBM-HP | 12/12/2025       |

Phụ lục VII: Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A, B  
(bản hành kèm theo Kết luận số 17 /KL-TTTP ngày 16/6/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng)

| STT | Mã hồ sơ                  | Số công bố        | Thông tin hồ sơ   | Ngày công bố | Tên doanh nghiệp/Cá nhân  | Tên TBYT                      |
|-----|---------------------------|-------------------|---|--------------|---|-------------------------------|
| 1   | 000.00.18.H24-251028-0001 | 250000098/PCBB-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại B | 28/11/2025   | CÔNG TY TNHH ENDESS LOVE  | GEL PHỤ KHOA                  |
| 2   | 000.00.18.H24-251028-0002 | 250000099/PCBB-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại B | 28/11/2025   | CÔNG TY TNHH ENDESS LOVE  | GEL PHỤ KHOA                  |
| 3   | 000.00.18.H24-251110-0002 | 250000083/PCBA-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A | 19/11/2025   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG  | Nước súc miệng                |
| 4   | 000.00.18.H24-251125-0002 | 250000089/PCBA-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A | 27/11/2025   | CÔNG TY TNHH MTV XUÂN DƯƠNG HD  | Khẩu trang y tế               |
| 5   | 000.00.18.H24-251125-0003 | 250000088/PCBA-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A | 27/11/2025   | CÔNG TY TNHH MTV XUÂN DƯƠNG HD  | Khẩu trang y tế               |
| 6   | 000.00.18.H24-251204-0003 | 250000095/PCBA-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A | 06/12/2025   | TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ KINH DOANH DƯỢC - TRƯỜNG CAO ĐẲNG DƯỢC TRUNG ƯƠNG HẢI DƯƠNG | XỊT MŨI XOANG HCCP            |
| 7   | 000.00.18.H24-251219-0003 | 250000099/PCBA-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A | 24/12/2025   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ DOLEXPHAR   | Dung dịch xịt mũi             |
| 8   | 000.00.18.H24-251225-0009 | 250000102/PCBA-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A | 31/12/2025   | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SYNTTECH- NHÀ MÁY HẢI DƯƠNG                     | Suflin+ Bôi trơn Pure Parafin |
| 9   | 000.00.18.H24-251229-0001 | 260000001/PCBA-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A | 02/01/2026   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO FDA   | XỊT HỒNG SIEUSAT NANOBAGINUS  |
| 10  | 000.00.18.H24-251229-0002 | 260000002/PCBA-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A | 02/01/2026   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO FDA   | PUPPY                         |

| STT | Mã hồ sơ                  | Số công bố        | Thông tin hồ sơ   | Ngày công bố | Tên doanh nghiệp/Cá nhân                       | Tên TBVT   |
|-----|---------------------------|-------------------|---|--------------|--|--|
| 11  | 000.00.18.H24-251113-0001 | 250000094/PCBA-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A | 01/12/2025   | CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NHA KHOA MINH SƠN   | Găng tay khám bệnh Latex không vô khuẩn, không bột                               |
| 12  | 000.00.18.H24-250908-0009 | 250000093/PCBA-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A | 28/11/2025   | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TIANLONG VIỆT NAM       | Dung dịch pha loãng mẫu dùng cho Máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang tự động |
| 13  | 000.00.18.H24-251001-0003 | 250000063/PCBA-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A | 01/10/2025   | CÔNG TY TNHH Y TẾ ROCO                         | IVD là dung dịch rửa cho máy phân tích đông máu                                  |
| 14  | 000.00.18.H24-250709-0004 | 250000035/PCBA-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại A | 24/07/2025   | CÔNG TY TNHH LOTUS 2020 GROUP                  | Khung tựa lưng cho bệnh nhân   |
| 15  | 000.00.18.H24-251205-0002 | 250000110/PCBB-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại B | 24/12/2025   | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN NEW LIFE | Bơm kim tiêm vô trùng sử dụng một lần  |
| 16  | 000.00.18.H24-251209-0001 | 250000105/PCBB-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại B | 16/12/2025   | CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NHA KHOA MINH SƠN   | Bột kim loại dùng trong nha khoa   |
| 17  | 000.00.18.H24-251103-0001 | 250000085/PCBB-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại B | 10/11/2025   | HỘ KINH DOANH NHA KHOA SYDNEY 2                | RĂNG SỨ  |
| 18  | 000.00.18.H24-251028-0003 | 250000082/PCBB-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại B | 31/10/2025   | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SUN LENS VIỆT NAM      | Kính áp tròng  |
| 19  | 000.00.18.H24-250829-0002 | 250000039/PCBB-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại B | 29/08/2025   | CÔNG TY TNHH VISIONARY MEDICAL                 | Dầu nặng Perfluorocarbon   |
| 20  | 000.00.18.H24-250721-0006 | 250000033/PCBB-HP | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế loại B | 30/07/2025   | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT LAM PHƯƠNG               | KHÍ CỤ CHÍNH NHA   |

Phụ lục VIII: Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D  
(ban hành kèm theo Kết luận số 17 /KL-TTTP ngày 16/6/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng)

| STT | Mã hồ sơ                  | Số công bố         | Thông tin hồ sơ   | Ngày công bố | Tên doanh nghiệp/Cá nhân  |
|-----|---------------------------|--------------------|---|--------------|---|
| 1   | 000.00.18.H24-250930-0001 | 250000177/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 08/10/2025   | HỢI KINH DOANH CỬA HÀNG NGUYỄN THỊ HÀ 01  |
| 2   | 000.00.18.H24-251016-0002 | 250000184/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 21/10/2025   | CÔNG TY TNHH WINLUX VIỆT Á  |
| 3   | 000.00.18.H24-251103-0003 | 250000211/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 19/11/2025   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FPT LONG CHÂU - ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH NHÀ THUỐC LONG CHÂU 2440        |
| 4   | 000.00.18.H24-251110-0001 | 250000212/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 19/11/2025   | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ THẨM MỸ HDEVICE   |
| 5   | 000.00.18.H24-251112-0001 | 250000207/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 19/11/2025   | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH NHÀ THUỐC THÁI THỊNH 26 - CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM TAPMED |
| 6   | 000.00.18.H24-251119-0001 | 250000215/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 21/11/2025   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ HÀ DƯƠNG   |
| 7   | 000.00.18.H24-251124-0004 | 250000221/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 12/02/2025   | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH NHÀ THUỐC THANH THUY - CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM TAPMED    |
| 8   | 000.00.18.H24-251124-0006 | 250000219/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 02/12/2025   | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH NHÀ THUỐC THÁI THỊNH 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM TAPMED  |
| 9   | 000.00.18.H24-251203-0001 | 250000231/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 16/12/2025   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FPT LONG CHÂU - ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH NHÀ THUỐC LONG CHÂU 2566        |
| 10  | 000.00.18.H24-251211-0004 | 250000241/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 24/12/2025   | CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IQ PHARMA  |



| STT | Mã hồ sơ                  | Số công bố         | Thông tin hồ sơ   | Ngày công bố | Tên doanh nghiệp/Cá nhân   |
|-----|---------------------------|--------------------|---|--------------|--|
| 11  | 000.00.18.H24-250929-0004 | 250000238/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 24/12/2025   | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CHI NHÁNH - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHARMACITY TẠI HÀ NỘI - NHÀ THUỐC PHARMACITY SỐ 1667 |
| 12  | 000.00.18.H24-251010-0006 | 250000233/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 16/12/2025   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FPT LONG CHÂU - ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH NHÀ THUỐC LONG CHÂU 2386                         |
| 13  | 000.00.18.H24-251128-0003 | 250000218/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 01/12/2025   | HỘ KINH DOANH NHÀ THUỐC MINH ANH   |
| 14  | 000.00.18.H24-251109-0002 | 250000205/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 10/11/2025   | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SỐ NHÀ KHOA SÀI GÒN   |
| 15  | 000.00.18.H24-251106-0001 | 250000198/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 06/11/2025   | CÔNG TY TNHH HOÀNG OÁNH  |
| 16  | 000.00.18.H24-251015-0002 | 250000185/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 21/10/2025   | HỘ KINH DOANH NHÀ THUỐC SỐ 3 BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP  |
| 17  | 000.00.18.H24-251001-0005 | 250000179/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 08/10/2025   | HỘ KINH DOANH HIỆU THUỐC HẢI PHÒNG - NHÀ THUỐC ÁNH LINH  |
| 18  | 000.00.18.H24-250924-0008 | 250000173/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 03/10/2025   | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YUIN   |
| 19  | 000.00.18.H24-250929-0006 | 250000172/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 03/10/2025   | NHÀ THUỐC THÙY LINH  |
| 20  | 000.00.18.H24-250926-0001 | 250000169/PCBMB-HP | Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 03/10/2025   | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH- CÔNG TY CỔ PHẦN UPHARMA- NHÀ THUỐC UPHARMA SỐ 94  |

**Phụ lục IX: Danh sách cơ sở y tế kiểm tra, xác minh**  
(ban hành kèm theo Kết luận số **17** /KL-TTTP ngày **16/6/2026** của  
Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng)

| TT | Tên cơ sở   | Địa chỉ  | Loại hình              |
|----|---|--|------------------------|
| 1  | Công ty cổ phần y tế Thorman  | Số 57 Nguyễn Đồng Chi, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng  | Bán buôn thuốc         |
| 2  | Công ty TNHH Dược phẩm Trường Phúc  | Số 11 phố Kênh Tre, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng  | Bán buôn thuốc         |
| 3  | Công ty Cổ phần tập đoàn Shabigroup   | Lô 16-17-18 Đường Nguyễn Như Quế, Tổ dân phố Vân Quan, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng.                   | Sản xuất mỹ phẩm       |
| 4  | Công ty TNHH Chavigreen   | Đội 4, thôn Văn Hòa (tại nhà ông Nguyễn Huy Hà), xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng                             | Sản xuất mỹ phẩm       |
| 5  | Công ty TNHH kỹ thuật nha khoa An Hải   | Số 145-L9 Tổ dân phố Trang Quan, phường An Hải, thành phố Hải Phòng.   | Sản xuất TBYT          |
| 6  | Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hoa 1992   | Quầy thuốc Thảo Hoa, Số 12 Lê Lợi, xã An Lão, TP. Hải Phòng  | Bán lẻ thuốc           |
| 7  | Địa điểm kinh doanh tại Hải Phòng - Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Thanh Hóa  | thôn Quỳnh Hoàng, phường An Dương, TP. Hải Phòng   | Bán buôn thuốc         |
| 8  | Công ty cổ phần Nam Dược Hải Long   | 58 Trương Hán Siêu, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng  | Sản xuất mỹ phẩm       |
| 9  | Tên địa điểm kinh doanh: Trung tâm phân phối Hải Dương - Địa điểm kinh doanh công ty TNHH một thành viên dược phẩm Traphaco | Địa chỉ kinh doanh: Lô 87.1.17 khu biệt thự Trường An, phía tây Nam Cường, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng | Bán buôn thuốc         |
| 10 | Công ty CP thương mại dụng cụ y tế TOMIHU VIỆT NAM  | Thôn Hợp Nhất, xã Lai Khê, TP Hải Phòng  | Sản xuất TBYT          |
| 11 | Chi nhánh công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương tại Thanh Miện   | Số 32 Nguyễn Lương Bằng, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng  | Bán buôn thuốc         |
| 12 | Công ty cổ phần dược phẩm mỹ phẩm Tpharma   | Km50, đường An Định, phường Việt Hoà, thành phố Hải Phòng  | Sản xuất mỹ phẩm       |
| 13 | Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao FDA   | Lô A22 khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát KM 47, Quốc lộ 5 phường Việt Hoà, thành phố Hải Phòng              | Sản xuất mỹ phẩm, TBYT |
| 14 | Công ty Cổ phần thiết bị y tế Minh Sơn  | Số 40+41 Lô 27 Lê Hồng Phong, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng.  | Sản xuất TBYT          |
| 15 | Hộ kinh doanh Nhà thuốc Nhật Vượng  | Số 35 Phạm Minh Đức, phường Gia Viên, TP Hải Phòng   | Bán lẻ thuốc           |
| 16 | Công ty TNHH công nghệ số Nha Khoa Sài Gòn  | Số 2A/185 phố Trại Lẻ, Phường Lê Chân, TP Hải Phòng  | Sản xuất TBYT          |
| 17 | Công ty TNHH LOTUS 2020 GROUP   | Số 404 Lương Quy, phường An Dương, Hải Phòng   | Sản xuất TBYT          |
| 18 | CN Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR) tại Hải Phòng  | Số 99 đường 854, phường Kiến An, Hải Phòng   | Bán buôn thuốc         |



| <b>TT</b> | <b>Tên cơ sở</b>   | <b>Địa chỉ</b>  | <b>Loại hình</b> |
|-----------|--|---|------------------|
| 19        | Công ty TNHH Thương mại và dược phẩm OMEGA   | P907+908, Tầng 9 Tòa nhà Taiyo, số 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng. | Bán buôn thuốc   |
| 20        | Công ty cổ phần thương mại và dược phẩm Hưng Việt - Hải Phòng                                      | Số 11 Đào Đô, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng                                     | Bán buôn thuốc   |
| 21        | Công ty TNHH sản xuất Lam Phương   | Số 31 Đất Đò, Phường Quán Trữ, Quận Kiến An   | Sản xuất TBYT    |
| 22        | Trung tâm phân phối Hải Phòng – địa điểm kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm Traphaco | Số 14 15 Lô BD 6KĐT PG An Đồng, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng                   | Bán buôn thuốc   |
| 23        | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Hải Phòng   | Số 91 B đường Máng Nước, xã An Đồng, Huyện An Dương, Hải Phòng                          | Bán buôn thuốc   |
| 24        | Hộ kinh doanh Nhà thuốc Duy Nguyệt   | Số 554 TDP Đình Ngọ, phường An Phong, thành phố Hải Phòng                               | Bán lẻ thuốc     |
| 25        | Hộ kinh doanh Nhà thuốc Hà Linh 1  | Số 104 Trung Hành, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng                                   | Bán lẻ thuốc     |
| 26        | Hộ kinh doanh Uyên Thiết bị y tế   | Số 4C Kỳ Đồng, phường Hồng Bàng, Hải Phòng.   | Kinh doanh TBYT  |
| 27        | HKD Nguyễn Thúy Nga  | Thôn 3, Kiến Hải, Hải Phòng   | Bán lẻ thuốc     |
| 28        | Chi nhánh công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương tại Ninh Giang                                | Thôn 3, xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng  | Bán buôn thuốc   |

**Phụ lục X: Danh sách hồ sơ kiểm nghiệm**  
(ban hành kèm theo Kết luận số **17** /KL-TTTP ngày **16** /6/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng)

| STT | Tên mẫu  | Số Biên bản lấy mẫu, ngày                   | Số phiếu kiểm nghiệm, ngày  | SDKN     | Loại sản phẩm   |
|-----|--|---|-----------------------------|----------|-----------------|
| 1   | Siberizin® (Flunarizin 5 mg)                             | Số 04/BB-TTKN, ngày 24/10/2025              | M25/544, ngày 31/10/2025    | M25C252  | Thuốc           |
| 2   | Vipicetam 800 (Piracetam 800mg)                          | Số 03/BB-TTKN, ngày 24/10/2025              | M25/583, ngày 7/11/2025     | M25C254  | Thuốc           |
| 3   | Long huyết P/H   | Số 02/BB-TTKN, ngày 28/9/2025               | M25/476, ngày 03/10/2025    | M25E074  | Thuốc cổ truyền |
| 4   | Dược liệu Huyền Sâm                                      | 134L/BB-KN ngày 05/8/2025                   | 916/LM-KN ngày 29/9/2025    | 262KT25  | Dược liệu       |
| 5   | Dược liệu Dương quy (Radix Angelicae Sinensis)           | 135L/BB-KN ngày 05/8/2025                   | 917/LM-KN ngày 29/9/2025    | 273KT25  | Dược liệu       |
| 6   | Thuốc bột USARALPHAR 8400 UI (Alphachymotrypsin 8400 UI) | 226L/BB-KN ngày 16/10/2025                  | 1325/LM-KN ngày 02/12/2025  | 452KT25  | Thuốc           |
| 7   | Dược liệu Đại táo  | Số 135L/BB-KN ngày 05/08/2025               | Số 918/LM-KN ngày 29/9/2025 | 276KT25  | Dược liệu       |
| 8   | Dược liệu Ngưu tất                                       | Số 135L/BB-KN ngày 05/08/2025               | Số 919/LM-KN ngày 29/9/2025 | 278KT26  | Dược liệu       |
| 9   | Best one   | 214L/BB-KN ngày 14/10/2025                  | 1376/LM-KN ngày 08/12/2025  | 64KM25   | Mỹ phẩm         |
| 10  | Hỗn dịch Biletamos 312,5 mg/ 5 ml                        | 216L/BB-KN ngày 14/10/2025                  | 1481/LM-KN ngày 22/12/2025  | 442KT25  | Thuốc           |
| 11  | Hỗn dịch uống Goldridons                                 | 216L/BB-KN ngày 14/10/2025                  | 1492/LM-KN ngày 25/12/2025  | 443KT25  | Thuốc           |
| 12  | Viên nén Halixol 30 mg                                   | 239L/BB-KN ngày 30/10/2025                  | 224/LM-KN ngày 29/01/2026   | 484KT25  | Thuốc           |
| 13  | Gel bôi ngoài da VIBÀC                                   | 370G/BB-KN ngày 10/12/2025                  | 370G/BB-KN ngày 10/12/2025  | 230GM25  | Mỹ phẩm         |
| 14  | Amoxicilin 500 mg  | Số 2592 quyền Biên bản 12, ngày 03/11/20205 | G25/0895, ngày 07/11/2025   | G25C551  | Thuốc           |
| 15  | Dầu xả Bơ - Bưởi Mr Noah                                 | Số 0492 quyền biên bản 09 ngày 12/9/2026    | G25/0834, ngày 14/10/2025   | HG25E044 | Mỹ phẩm         |

Phụ lục XI: Danh sách 50 Công ty trúng thầu 410 mã thuốc Gói 01  
(ban hành kèm theo Kết luận số 17 /KL-TTTP ngày 16/6/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng)

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc         | Nhà thầu trúng thầu                                       |
|-----|------------|-------------------|---|
| 1   | G1.25.0538 | Tonios-0,5        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẤT VIỆT                        |
| 2   | G1.25.0098 | Alphachymotrypsin | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM                        |
| 3   | G1.25.0177 | Ingair 5mg        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM                        |
| 4   | G1.25.0382 | Orenko            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM                        |
| 5   | G1.25.0698 | Vartel 20mg       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM                        |
| 6   | G1.25.0704 | Amlobest          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM                        |
| 7   | G1.25.0080 | Rhetanol          | CÔNG TY CỔ PHẦN AFP GIA VỮ                                |
| 8   | G1.25.1046 | ID-Arsolone 4     | CÔNG TY CỔ PHẦN AFP GIA VỮ                                |
| 9   | G1.25.0084 | Solmovis          | CÔNG TY CỔ PHẦN AMERIVER VIỆT NAM                         |
| 10  | G1.25.0405 | Cefoxitin 1000    | CÔNG TY CỔ PHẦN AMERIVER VIỆT NAM                         |
| 11  | G1.25.0524 | Vecmid 1 gm       | CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO                                 |
| 12  | G1.25.0850 | Bravigo           | CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO                                 |
| 13  | G1.25.0532 | Softival          | CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO TOÀN PHARMA                           |
| 14  | G1.25.0595 | Temorel 100mg     | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC VÀ DƯỢC PHẨM BÁCH VIỆT |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                                      | Nhà thầu trúng thầu          |
|-----|------------|--|------------------------------|
| 15  | G1.25.0678 | Recombinant Human Erythropoietin for Injection | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC Á CHÂU  |
| 16  | G1.25.0130 | Bidilucil 500                                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ATM     |
| 17  | G1.25.0856 | Duoridin                                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ATM     |
| 18  | G1.25.0019 | Zodalan  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |
| 19  | G1.25.0059 | Ketorolac Danapha                              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |
| 20  | G1.25.0063 | Meloxicam 15mg/1,5ml                           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |
| 21  | G1.25.0088 | Piroxicam 2%                                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |
| 22  | G1.25.0123 | Aminazin 1,25%                                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |
| 23  | G1.25.0125 | Lepigin 100                                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |
| 24  | G1.25.0126 | Haloperidol 0,5%                               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |
| 25  | G1.25.0132 | Olanxol  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |
| 26  | G1.25.0134 | Daquetin 100                                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |
| 27  | G1.25.0137 | Risdontab 2                                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |
| 28  | G1.25.0298 | Danapha-Telfadin                               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |
| 29  | G1.25.0325 | Carbamazepin 200 mg                            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |
| 30  | G1.25.0332 | Garnotal 10                                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc            | Nhà thầu trúng thầu                 |
|-----|------------|----------------------|-------------------------------------|
| 31  | G1.25.0480 | Bi-Daphazyl          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA        |
| 32  | G1.25.0978 | Danisetron           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA        |
| 33  | G1.25.0992 | Papaverin 2%         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA        |
| 34  | G1.25.1155 | Ibuprofen 400mg      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA        |
| 35  | G1.25.0559 | Kpec 500             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM HÀ NỘI |
| 36  | G1.25.0602 | Gefress              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM HÀ NỘI |
| 37  | G1.25.0073 | Hapacol 150          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG      |
| 38  | G1.25.0346 | Klamentiin 250/31.25 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG      |
| 39  | G1.25.0347 | Klamentiin 500/62.5  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG      |
| 40  | G1.25.0476 | Rovax 1.5M           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG      |
| 41  | G1.25.0495 | LEVODHG 250          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG      |
| 42  | G1.25.0554 | Hagizim              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG      |
| 43  | G1.25.0818 | Coperil plus         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG      |
| 44  | G1.25.1009 | Bipp Zinc powder     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG      |
| 45  | G1.25.1041 | Medlon 16            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG      |
| 46  | G1.25.1047 | Medlon 4             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG      |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc             | Nhà thầu trúng thầu                      |
|-----|------------|-----------------------|--|
| 47  | G1.25.0081 | Epfepara Codeine      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC   |
| 48  | G1.25.0287 | Debomin               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC   |
| 49  | G1.25.0786 | Agilosart 12,5        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC   |
| 50  | G1.25.1144 | Agihistine 24         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC   |
| 51  | G1.25.0140 | Maxxneuro-MZ 30       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A |
| 52  | G1.25.0174 | Usalukast 10          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A |
| 53  | G1.25.0217 | Aminic                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A |
| 54  | G1.25.0768 | Usasartim Plus 300    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A |
| 55  | G1.25.0771 | Maxxcardio LA 4       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A |
| 56  | G1.25.0781 | Maxxcardio-L 20 Plus  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A |
| 57  | G1.25.0832 | CadisAPC 80/25        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A |
| 58  | G1.25.0837 | ValtimAPC 160         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A |
| 59  | G1.25.0859 | ZarelAPC 20           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A |
| 60  | G1.25.1035 | Maxxhepa urso 200     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A |
| 61  | G1.25.0356 | Claminat 2000mg/200mg | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN      |
| 62  | G1.25.0384 | Imexime 400           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN      |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                              | Nhà thầu trúng thầu                 |
|-----|------------|--|-------------------------------------|
| 63  | G1.25.0393 | Bacsulfo 1g/1g                         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN |
| 64  | G1.25.0418 | Tenamyd-Ceftazidime 500                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN |
| 65  | G1.25.0432 | Cloxacillin 2 g                        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN |
| 66  | G1.25.0511 | Colistin 1 MIU                         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN |
| 67  | G1.25.0751 | SaVi Enalapril HCT 5/12,5              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN |
| 68  | G1.25.0834 | Tolucombi 80mg/25mg Tablets            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN |
| 69  | G1.25.0893 | Pravastatin SaVi 40                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN |
| 70  | G1.25.0965 | Medoome 40mg Gastro-resistant capsules | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN |
| 71  | G1.25.1021 | Savidimin 1000                         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN |
| 72  | G1.25.1048 | MethyIprednisolon 4mg                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN |
| 73  | G1.25.1064 | Gliclada 30mg                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN NGUYỄN |
| 74  | G1.25.0191 | Ambixol 15mg/5ml syrup                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AS PHARMA |
| 75  | G1.25.0460 | Philtobax Eye Drops                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE   |
| 76  | G1.25.0545 | Flucozal 150                           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE   |
| 77  | G1.25.0687 | Trinitrina                             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE   |
| 78  | G1.25.0712 | Lisonorm                               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE   |



| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc            | Nhà thầu trúng thầu                   |
|-----|------------|----------------------|---------------------------------------|
| 79  | G1.25.0729 | Combiso              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE     |
| 80  | G1.25.0939 | Verospiron           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE     |
| 81  | G1.25.1004 | Enterogolds          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE     |
| 82  | G1.25.1005 | Enterogran           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE     |
| 83  | G1.25.0373 | Cefamandol 2g        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BIFACO      |
| 84  | G1.25.0656 | Bivibact 500         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BIFACO      |
| 85  | G1.25.0012 | Levobupi-BFS 50 mg   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 86  | G1.25.0033 | BFS-Neostigmine 0.25 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 87  | G1.25.0037 | Rocuronium-BFS       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 88  | G1.25.0089 | Piroxicam -BFS       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 89  | G1.25.0107 | Salbutop 0,042%      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 90  | G1.25.0108 | Geumi                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 91  | G1.25.0120 | Carbamol-BFS         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 92  | G1.25.0143 | Zentanil             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 93  | G1.25.0170 | Zensonid             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 94  | G1.25.0180 | Zencombi             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc         | Nhà thầu trúng thầu                   |
|-----|------------|-------------------|---------------------------------------|
| 95  | G1.25.0238 | Magnesi-BFS 15%   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 96  | G1.25.0239 | Kama-BFS          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 97  | G1.25.0261 | Nước cất ống nhựa | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 98  | G1.25.0312 | BFS-Naloxone      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 99  | G1.25.0315 | BFS-Nabica 8,4%   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 100 | G1.25.0322 | Kalira            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 101 | G1.25.0324 | Sugam-BFS         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 102 | G1.25.0327 | Gabasol           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 103 | G1.25.0329 | Dokitam           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 104 | G1.25.0466 | Cloram drop 0,5%  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 105 | G1.25.0489 | Levof-BFS 250mg   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 106 | G1.25.0492 | Dropstar          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 107 | G1.25.0496 | Moxieye           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 108 | G1.25.0498 | Moxieye           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 109 | G1.25.0499 | Moxieye           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 110 | G1.25.0653 | Bacom-BFS         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc             | Nhà thầu trúng thầu                   |
|-----|------------|-----------------------|---------------------------------------|
| 111 | G1.25.0662 | Trane-BFS 10%         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 112 | G1.25.0905 | Nimodipin-SB          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 113 | G1.25.0991 | BFS-Hyoscin 40mg/2ml  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 114 | G1.25.0995 | Stiprol               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 115 | G1.25.0997 | Companity             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 116 | G1.25.1003 | Domuvar               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 117 | G1.25.1128 | Aritear               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 118 | G1.25.1129 | Laci-eye              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 119 | G1.25.1131 | Laci-eye              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 120 | G1.25.1133 | Dexamoxi              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 121 | G1.25.1139 | Hylaform 0,1%         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 122 | G1.25.1140 | Hyaza-BFS             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 123 | G1.25.1151 | Ergome-BFS            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI |
| 124 | G1.25.0777 | SARVETIL HCTZ 10/12.5 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED      |
| 125 | G1.25.0077 | Partamol Tab.         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH    |
| 126 | G1.25.0094 | Vorifend 500          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH    |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                    | Nhà thầu trúng thầu                 |
|-----|------------|------------------------------|-------------------------------------|
| 127 | G1.25.0274 | Scanneuron                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH  |
| 128 | G1.25.0302 | Lorastad 10 Tab.             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH  |
| 129 | G1.25.0535 | Acyclovir Stella 800mg       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH  |
| 130 | G1.25.0738 | Captopril Stella 25mg        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH  |
| 131 | G1.25.0757 | Felodipine Stella 5mg retard | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH  |
| 132 | G1.25.0801 | Nifedipin T20 retard         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH  |
| 133 | G1.25.1101 | Metformin Stella 850mg       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH  |
| 134 | G1.25.0201 | Terpincold                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY    |
| 135 | G1.25.0858 | G5 Duratrix                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY    |
| 136 | G1.25.0003 | Bupivacain Kabi 0,5%         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 137 | G1.25.0162 | Mediacetam                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 138 | G1.25.0218 | Amiparen 10%                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 139 | G1.25.0219 | Amiparen 5%                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 140 | G1.25.0221 | Kidmin                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 141 | G1.25.0222 | Aminoleban                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 142 | G1.25.0228 | Glucose 20%                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc          | Nhà thầu trúng thầu                 |
|-----|------------|--------------------|-------------------------------------|
| 143 | G1.25.0230 | Glucose 10%        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 144 | G1.25.0258 | Ringer lactate     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 145 | G1.25.0279 | Hovinlex           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 146 | G1.25.0339 | Amoxfap 500        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 147 | G1.25.0403 | Tigercef 2g        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 148 | G1.25.0469 | Metronidazol Kabi  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 149 | G1.25.0506 | Sulfadiazin bạc    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 150 | G1.25.0649 | Safoli             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 151 | G1.25.0723 | Prololsavi 10      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 152 | G1.25.0763 | Am-Isartan         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 153 | G1.25.0882 | Autifan 40         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 154 | G1.25.0916 | Betasalic          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 155 | G1.25.1001 | Baci-subti         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG |
| 156 | G1.25.0176 | SINGUMENT-S        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HIỆP MINH |
| 157 | G1.25.0591 | Paclitaxel Actavis | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG MAI |
| 158 | G1.25.0599 | Abevmy-100         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG MAI |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc           | Nhà thầu trúng thầu                 |
|-----|------------|---------------------|-------------------------------------|
| 159 | G1.25.0601 | Abevmv-400          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG MAI |
| 160 | G1.25.0608 | Hertraz 150         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG MAI |
| 161 | G1.25.0610 | Hertraz 440         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG MAI |
| 162 | G1.25.0616 | Linkotax 25mg       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG MAI |
| 163 | G1.25.0618 | Lezra 2,5mg         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG MAI |
| 164 | G1.25.0530 | pms-Tenofovir       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIM TINH  |
| 165 | G1.25.0865 | Atovze 10/10        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIM TINH  |
| 166 | G1.25.0887 | Pravastatin SaVi 10 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIM TINH  |
| 167 | G1.25.1023 | Hepa-Merz           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIM TINH  |
| 168 | G1.25.0043 | Celecoxib           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 169 | G1.25.0049 | Etoricoxib 90       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 170 | G1.25.0079 | Panactol            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 171 | G1.25.0092 | Colchicin           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 172 | G1.25.0165 | Kacetam             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 173 | G1.25.0205 | Acetylcystein       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 174 | G1.25.0226 | Cinnarizin          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc            | Nhà thầu trúng thầu                 |
|-----|------------|----------------------|-------------------------------------|
| 175 | G1.25.0467 | Metronidazol         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 176 | G1.25.0478 | Kamydazol            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 177 | G1.25.0529 | Tenofovir            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 178 | G1.25.0707 | Kavadin 5            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 179 | G1.25.0721 | Bisoprolol 2,5mg     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 180 | G1.25.0722 | Bisoprolol           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 181 | G1.25.0803 | Perindopril 4        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 182 | G1.25.0829 | Telmisartan          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 183 | G1.25.0855 | Aspirin 81           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 184 | G1.25.0861 | Atorvastatin 10      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 185 | G1.25.0862 | Atorvastatin 20      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 186 | G1.25.0864 | Kavosnor Forte       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 187 | G1.25.0937 | Spirolacton          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 188 | G1.25.0967 | Esomeprazol 40mg     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 189 | G1.25.1042 | Methylprednisolon 16 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 190 | G1.25.1043 | Kapredin             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                    | Nhà thầu trúng thầu                 |
|-----|------------|------------------------------|-------------------------------------|
| 191 | G1.25.1073 | Glimepiride 2mg              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 192 | G1.25.1077 | Glimepiride 4mg              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 193 | G1.25.1106 | Sitagliptin 50               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA |
| 194 | G1.25.0060 | Reumokam                     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |
| 195 | G1.25.0203 | Savi Eprazinone 50           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |
| 196 | G1.25.0206 | Cetimed 10mg                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |
| 197 | G1.25.0215 | Cinnarizin Pharma            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |
| 198 | G1.25.0481 | Ciprofloxacin IMP 200mg/20ml | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |
| 199 | G1.25.0520 | Linezan                      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |
| 200 | G1.25.0536 | Aceralgin 800mg              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |
| 201 | G1.25.0675 | SaVi Deferipron 250          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |
| 202 | G1.25.0694 | Nicorandil SaVi 10           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |
| 203 | G1.25.0720 | Plaxsav 5                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |
| 204 | G1.25.0741 | NP Capril                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |
| 205 | G1.25.0886 | Lowsta 20mg                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |
| 206 | G1.25.0962 | Alusi                        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA      |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                     | Nhà thầu trúng thầu                           |
|-----|------------|-------------------------------|---|
| 207 | G1.25.1032 | Trimebutine Gerda 200mg       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA                |
| 208 | G1.25.1084 | THcomet - GP2                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA                |
| 209 | G1.25.0046 | Dicloval Supp                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA |
| 210 | G1.25.0078 | Partamol 500 Cap              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA |
| 211 | G1.25.0220 | Nephgold                      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA |
| 212 | G1.25.0225 | Combilipid MCT Peri Injection | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA |
| 213 | G1.25.0410 | Cefpirom TFI 500 mg           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA |
| 214 | G1.25.0422 | Tizosac 2 g                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA |
| 215 | G1.25.0633 | Prolufo                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA |
| 216 | G1.25.0659 | Paringold Injection           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA |
| 217 | G1.25.0821 | Heraace T 10                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA |
| 218 | G1.25.0093 | Colchicina Seid 1mg Tablet    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - WINSACOM  |
| 219 | G1.25.0351 | Viciclav 2g/0,2g              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - WINSACOM  |
| 220 | G1.25.0353 | Biocemet DT 500mg/62,5mg      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - WINSACOM  |
| 221 | G1.25.0360 | Ampicillin/Sucbactam 1,5g     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - WINSACOM  |
| 222 | G1.25.0419 | Ceftizoxim 1g                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - WINSACOM  |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                                  | Nhà thầu trúng thầu                          |
|-----|------------|--|--|
| 223 | G1.25.0443 | Oxacillin IMP 500mg                        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - WINSACOM |
| 224 | G1.25.0604 | Umkanih 400                                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV              |
| 225 | G1.25.0625 | Lenalidomide 25mg (Tên mới: ReliDomide 25) | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV              |
| 226 | G1.25.0815 | Amnapro 5/1.25                             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV              |
| 227 | G1.25.1059 | Acarbose 25                                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV              |
| 228 | G1.25.0305 | Demoferidon                                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RIGHMED            |
| 229 | G1.25.0350 | Claminat 1,2g                              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RIGHMED            |
| 230 | G1.25.0388 | Fordamet 1g                                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RIGHMED            |
| 231 | G1.25.0622 | CKDCipol-N 25mg                            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RIGHMED            |
| 232 | G1.25.0623 | CKDCipol-N 100mg                           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RIGHMED            |
| 233 | G1.25.0295 | Fexodinefast 180                           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI               |
| 234 | G1.25.0301 | Loratadine Savi 10                         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI               |
| 235 | G1.25.0528 | SaVi Tenofovir 300                         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI               |
| 236 | G1.25.0701 | Amcoda 200                                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI               |
| 237 | G1.25.0895 | SaVi Rosuvastatin 10                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI               |
| 238 | G1.25.0899 | Simvastatin Savi 20                        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI               |



| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                         | Nhà thầu trúng thầu                            |
|-----|------------|-----------------------------------|--|
| 239 | G1.25.0935 | Savispiro-Plus                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI                 |
| 240 | G1.25.0971 | SaVi Pantoprazole 40              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI                 |
| 241 | G1.25.1075 | SaViPiride 4                      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI                 |
| 242 | G1.25.1096 | Metsav 1000                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI                 |
| 243 | G1.25.1098 | Metsav 850                        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI                 |
| 244 | G1.25.1146 | SaVi Betahistine 16               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI                 |
| 245 | G1.25.0282 | 3B-Medi                           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÔNG NHUỆ            |
| 246 | G1.25.0428 | Febgas 250                        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÔNG NHUỆ            |
| 247 | G1.25.0552 | Valygyno                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÔNG NHUỆ            |
| 248 | G1.25.0643 | Pramipexol Normon 0,18 mg Tablets | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÔNG NHUỆ            |
| 249 | G1.25.0644 | Pramipexol Normon 0,7 mg Tablets  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÔNG NHUỆ            |
| 250 | G1.25.0918 | Tyrosur Gel                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÔNG NHUỆ            |
| 251 | G1.25.0058 | Algesin-N                         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ST. ANDREWS VIỆT NAM |
| 252 | G1.25.0383 | Cifataze DT-200                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ST. ANDREWS VIỆT NAM |
| 253 | G1.25.0546 | Fungocap 200mg capsules, hard     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ST. ANDREWS VIỆT NAM |
| 254 | G1.25.0750 | Dotabipha 20 plus                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ST. ANDREWS VIỆT NAM |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                               | Nhà thầu trúng thầu                            |
|-----|------------|---|--|
| 255 | G1.25.0389 | Cerapix                                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TND VIỆT NAM         |
| 256 | G1.25.0390 | Cerapix 2g                              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TND VIỆT NAM         |
| 257 | G1.25.0507 | Biseptoi 480                            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO           |
| 258 | G1.25.0980 | Grani-Denk 1mg/ml                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO           |
| 259 | G1.25.0002 | Bupivacaine Aguetant 5mg/ml             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 260 | G1.25.0005 | Suprane                                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 261 | G1.25.0027 | Nupovel                                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 262 | G1.25.0105 | Buto-Asma                               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 263 | G1.25.0145 | Tanganil 500mg                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 264 | G1.25.0173 | Combiwave FB 200                        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 265 | G1.25.0175 | ZORUXA                                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 266 | G1.25.0181 | FORAIR 125                              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 267 | G1.25.0235 | Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 268 | G1.25.0316 | Noradrenaline Base Aguetant 1mg/ml      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 269 | G1.25.0320 | Phenylalpha 50 micrograms/ml            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 270 | G1.25.0321 | Phenylephrine Aguetant 50 Micrograms/ml | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                           | Nhà thầu trúng thầu                            |
|-----|------------|-------------------------------------|--|
| 271 | G1.25.0337 | Sodium Valproate Aguetant 400mg/4ml | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 272 | G1.25.0468 | Trichopol                           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 273 | G1.25.0486 | Ciprofloxacin Polpharma             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 274 | G1.25.0540 | Entecavir Teva 0.5mg                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 275 | G1.25.0558 | BORTESUN                            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 276 | G1.25.0571 | CHEMODOX                            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 277 | G1.25.0603 | Imatinib Teva 400mg                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 278 | G1.25.0614 | ZOLOTRAZ                            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 279 | G1.25.0619 | Diphereline P.R. 11.25mg            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 280 | G1.25.0620 | Diphereline P.R 3.75mg              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 281 | G1.25.0627 | Mycophenolate mofetil Teva          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 282 | G1.25.0636 | UROKA                               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 283 | G1.25.0637 | Permixon 160mg                      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 284 | G1.25.0638 | FLOEZY                              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 285 | G1.25.0654 | Gemapaxane                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 286 | G1.25.0655 | Gemapaxane                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                      | Nhà thầu trúng thầu                            |
|-----|------------|--------------------------------|--|
| 287 | G1.25.0668 | Albutein 25%                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 288 | G1.25.0800 | Nicardipine Aguetant 10mg/10ml | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 289 | G1.25.0901 | SIMVOFIX 10/20 MG              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 290 | G1.25.0973 | RANCIPHEX 10MG                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 291 | G1.25.0982 | Ondanov 8mg Injection          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 292 | G1.25.1014 | NORMAGUT                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 293 | G1.25.1027 | OCTRIDE 100                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 294 | G1.25.1119 | Dysport                        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 295 | G1.25.1127 | Azarga                         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 296 | G1.25.1143 | Mydrin-P                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI |
| 297 | G1.25.0344 | Axuka                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN AN PHÁT        |
| 298 | G1.25.0773 | Lisinopril ATB 10mg            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN AN PHÁT        |
| 299 | G1.25.0775 | Lotafan                        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN AN PHÁT        |
| 300 | G1.25.0029 | Seaoflura                      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA   |
| 301 | G1.25.0039 | Aeneas 10                      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA   |
| 302 | G1.25.0087 | Toricam Capsules 20mg          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA   |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                  | Nhà thầu trúng thầu                          |
|-----|------------|----------------------------|--|
| 303 | G1.25.0121 | Thiovin 300mg/10ml         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 304 | G1.25.0142 | Methocarbamol<br>750mg     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 305 | G1.25.0163 | Lifecita 800 DT.           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 306 | G1.25.0186 | Ambroxol HCl Tablets 30mg  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 307 | G1.25.0208 | Phabalsin 600              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 308 | G1.25.0251 | Sodium Chloride Injection  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 309 | G1.25.0286 | Neurixal                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 310 | G1.25.0307 | Ephedrine Aguettant 3mg/ml | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 311 | G1.25.0338 | Fabamox 500 DT.            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 312 | G1.25.0340 | Pharmox IMP 500mg          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 313 | G1.25.0343 | Claminat 1000mg/100mg      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 314 | G1.25.0348 | Vigentin 250/31,25 DT.     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 315 | G1.25.0362 | Nerusun 3g                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 316 | G1.25.0371 | Tenadol 1000               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 317 | G1.25.0395 | Trikapezon plus 1,5g       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 318 | G1.25.0408 | Foximecz-2000              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc           | Nhà thầu trúng thầu                          |
|-----|------------|---------------------|--|
| 319 | G1.25.0424 | Triaxon 2g          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 320 | G1.25.0433 | Cloxacilin 2g       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 321 | G1.25.0434 | Urizatilin 1g       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 322 | G1.25.0435 | Syntarpen           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 323 | G1.25.0437 | Doripenem 0,25g     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 324 | G1.25.0439 | Ertapenem VCP       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 325 | G1.25.0440 | Vicimlastatin 500mg | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 326 | G1.25.0444 | Oxacilin 2g         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 327 | G1.25.0448 | Ticarlinal 1,6g     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 328 | G1.25.0450 | Ticarlinal 3,2g     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 329 | G1.25.0459 | Eyetobrin 0,3%      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 330 | G1.25.0470 | Fungiac             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 331 | G1.25.0479 | Rodogyl             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 332 | G1.25.0490 | Goldvoxin           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 333 | G1.25.0510 | Colistin 2 MIU      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 334 | G1.25.0519 | Linezolid 400       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                            | Nhà thầu trúng thầu                          |
|-----|------------|--------------------------------------|--|
| 335 | G1.25.0521 | Linezolid 600mg/300ml                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 336 | G1.25.0533 | Azein Inj.                           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 337 | G1.25.0551 | Vemicep                              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 338 | G1.25.0553 | Bridoty1                             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 339 | G1.25.0584 | Hemetrex                             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 340 | G1.25.0628 | Tacrocord 0.5                        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 341 | G1.25.0629 | Tacrocord 1                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 342 | G1.25.0639 | Carbidopa/Levodopa tablets 10/100 mg | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 343 | G1.25.0640 | Carbidopa Levodopa 25/100 mg Tablets | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 344 | G1.25.0641 | Carbidopa Levodopa 25/250mg Tablets  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 345 | G1.25.0686 | Glyceryl Trinitrate 1mg/ml           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 346 | G1.25.0691 | Nicomen Tablets 5mg                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 347 | G1.25.0706 | Kavasdin 10                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 348 | G1.25.0708 | Zoamco-A                             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 349 | G1.25.0717 | Erafiq 5/80                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 350 | G1.25.0732 | Guarente-16                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                      | Nhà thầu trúng thầu                          |
|-----|------------|--------------------------------|--|
| 351 | G1.25.0736 | Sartan/HCTZ                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 352 | G1.25.0766 | Ibexel 75                      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 353 | G1.25.0770 | Lacizez 4mg                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 354 | G1.25.0798 | Sun-Nicar 10mg/50ml            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 355 | G1.25.0799 | Sun-Nicar 10mg/50ml            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 356 | G1.25.0822 | Miramirix 2,5                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 357 | G1.25.0857 | Clopiaspirin 75/160            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 358 | G1.25.0869 | Downlipiz 400                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 359 | G1.25.0880 | Fluvastatin 20mg               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 360 | G1.25.0931 | Polfurid                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 361 | G1.25.0944 | Antifacid 20 mg                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 362 | G1.25.0948 | Atifamodin 40 mg               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 363 | G1.25.0956 | Gastrostanter                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 364 | G1.25.0968 | Imazicol 20                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 365 | G1.25.0976 | Cratsuca Suspension "Standard" | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 366 | G1.25.1016 | Mitivax V-300                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |



| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc                               | Nhà thầu trúng thầu                          |
|-----|------------|---|--|
| 367 | G1.25.1019 | Vein Plus                               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 368 | G1.25.1030 | Maerina                                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 369 | G1.25.1036 | Satarex                                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 370 | G1.25.1040 | Valgesic 10                             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 371 | G1.25.1108 | Sitomet 50/850                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA |
| 372 | G1.25.0006 | Fentanyl B.Braun 0.1mg/2ml              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1    |
| 373 | G1.25.0020 | Midazolam B. Braun 5mg/ml               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1    |
| 374 | G1.25.0021 | Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1    |
| 375 | G1.25.0022 | Morphin 30mg                            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1    |
| 376 | G1.25.0115 | Diazepam 10mg/2ml                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1    |
| 377 | G1.25.0116 | Seduxen 5mg                             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1    |
| 378 | G1.25.0306 | Ephedrine Aguettant 30mg/ml             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1    |
| 379 | G1.25.0515 | Mitiwind 350                            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1    |
| 380 | G1.25.0658 | HEPARINE SODIQUE PANPHARMA 5000 U.I./ml | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1    |
| 381 | G1.25.0877 | Fenosup Lidose                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1    |
| 382 | G1.25.0919 | Liptodol Ultra Fluide                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1    |

| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc  | Nhà thầu trúng thầu                                       |
|-----|------------|--|---|
| 383 | G1.25.0921 | Dotarem  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1                 |
| 384 | G1.25.0927 | Povidon iod 10%                                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1                 |
| 385 | G1.25.1057 | Progesterone injection BP 25mg                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1                 |
| 386 | G1.25.1150 | Methyleergometrine Maleate injection 0,2mg - 1ml | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1                 |
| 387 | G1.25.0454 | Amikacin 500mg/2ml                               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I - PHARBACCO        |
| 388 | G1.25.0852 | Aspirin 100                                      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ                      |
| 389 | G1.25.1061 | Metovance  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ                      |
| 390 | G1.25.0900 | Simvastatin 40                                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ                |
| 391 | G1.25.0377 | Imenir 125mg                                     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH      |
| 392 | G1.25.0399 | Tenamyd - Cefotaxime 500                         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH      |
| 393 | G1.25.0425 | Tenamyd - Ceftriaxone 500                        | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH      |
| 394 | G1.25.0807 | VT-Amlopril                                      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH      |
| 395 | G1.25.0814 | Prenewel 8mg/2.5mg Tablets                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH      |
| 396 | G1.25.0082 | Codalgin Forte                                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT VIỆT      |
| 397 | G1.25.0703 | Cordamil 80mg                                    | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ PHÚ HƯNG THỊNH |
| 398 | G1.25.0883 | SaVi Gemfibrozil 600                             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ PHÚ HƯNG THỊNH |



| STT | Mã thuốc   | Tên thuốc   | Nhà thầu trúng thầu                                    |
|-----|------------|---|--|
| 399 | G1.25.0376 | Cefazolin 2g  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ SD VIỆT NAM |
| 400 | G1.25.1158 | Zobacta 3,375g  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ SD VIỆT NAM |
| 401 | G1.25.0503 | Ofloxacin 200mg/100ml   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY       |
| 402 | G1.25.0509 | Tygepol 50mg lyophilized powder for Solution for I. V. Infusion | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY       |
| 403 | G1.25.0920 | Gadoteric Bidiphar  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY       |
| 404 | G1.25.0994 | Lusfatop  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY       |
| 405 | G1.25.1095 | MetSwift XR 500   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY       |
| 406 | G1.25.0188 | Drenoxol  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ NAM ÂU               |
| 407 | G1.25.0755 | Enap HL 20mg/12.5mg   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ NAM ÂU               |
| 408 | G1.25.0898 | Roswera 5mg film-coated tablets                                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ NAM ÂU               |
| 409 | G1.25.0951 | Scolanzo  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ NAM ÂU               |
| 410 | G1.25.0952 | Gastevin 30mg   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ NAM ÂU               |

**Phụ lục XII: Danh sách 10 Công ty trúng thầu 28 mã thuốc Gói 02**  
*(ban hành kèm theo Kết luận số 17 /KL-TTTP ngày 16/6/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Hai Phòng)*

| STT | Mã thuốc  | Tên thuốc                      | Nhà thầu trúng thầu                     |
|-----|-----------|--------------------------------|---|
| 1   | G2.25.044 | Tuần hoàn não Thái Dương       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ        |
| 2   | G2.25.001 | Máu gan tiêu độc               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC  |
| 3   | G2.25.002 | Chorlatcyn                     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC  |
| 4   | G2.25.019 | Hoàn phong thấp                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC  |
| 5   | G2.25.024 | Frentine                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC  |
| 6   | G2.25.029 | Bổ tỳ BSV                      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC  |
| 7   | G2.25.035 | Bổ tỳ TW                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC  |
| 8   | G2.25.062 | Tư âm thanh phế                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC  |
| 9   | G2.25.067 | Mediphyllamin                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC  |
| 10  | G2.25.081 | Viên sáng mắt                  | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN BẮC  |
| 11  | G2.25.090 | Hoàn độc hoạt tạng ký sinh TW3 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEPHATECH          |
| 12  | G2.25.072 | Hoạt huyết thông mạch K/H      | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÔNG SEN VÀNG |
| 13  | G2.25.093 | Thuốc ho Bách Bộ               | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÔNG SEN VÀNG |
| 14  | G2.25.012 | Bài thạch Danapha              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG     |
| 15  | G2.25.021 | Phong tê thấp Hydán            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG     |

PHÒNG \* W.V.V

| STT | Mã thuốc  | Tên thuốc                            | Nhà thầu trúng thầu                                |
|-----|-----------|--------------------------------------|--|
| 16  | G2.25.023 | Hydan 500                            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG                |
| 17  | G2.25.039 | Tadimax                              | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG                |
| 18  | G2.25.060 | Sirô ho Thepharm                     | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG                |
| 19  | G2.25.008 | Bình can                             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÔNG NHUỆ                |
| 20  | G2.25.018 | Phong thấp                           | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÔNG NHUỆ                |
| 21  | G2.25.084 | Dưỡng can tiêu độc                   | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA       |
| 22  | G2.25.088 | Viên nang cứng Độc hoạt tang ký sinh | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA       |
| 23  | G2.25.089 | Bạch y phong tê thấp Khai Hà         | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA       |
| 24  | G2.25.092 | Hoạt huyết thông mạch K/H            | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA       |
| 25  | G2.25.074 | Haisamin                             | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐÔNG DƯƠNG |
| 26  | G2.25.046 | Hoạt huyết thông mạch                | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN                     |
| 27  | G2.25.061 | Siro ho Haspan                       | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIAN                     |
| 28  | G2.25.038 | Crila Forte                          | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINACARE                 |